

TRẦN THANH MẠI

ĐỒI VẮN

TRONG
TỦ SÁCH PHÊ BÌNH
TÂN VIỆT

ở MYTHO bán nhiều nhất
tại NAM-CƯỜNG THO-XÃ
ở đầu cầu quay

SÁCH NÀY IN TẠI NHÀ IN THUY-KÝ
NGOÀI NHỮNG BẢN THƯỜNG CÓ IN RIÊNG
6 BẢN BẰNG GIẤY VERGÉ BOUFFANT
GIÁ 4\$00 MỖI BẢN — 10 BẢN BẰNG
GIẤY LỤA DÓ GIÁ 6\$00 MỖI BẢN — 3
BẢN BẰNG GIẤY VERGÉ REGISTRE GIÁ
———— 8\$00 MỖI BẢN —————

TRẦN THANH MẠI

ĐÔI VẮN

**TRONG
TỦ SÁCH PHÊ BÌNH
TÂN VIỆT**

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN

Trông giòng sông Vị
Tuy lý Vương

SẴN XUẤT BẢN

Đời Văn quyền II (*Tán-Việt*)
Ngô vương Quyền

TÌM SỰ THẬT TRƯỚC KHI VIẾT BỘ « VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ »

Tài ứng khẩu của các bậc văn-hào,
nhất là các Trạng, phải chăng là
một câu chuyện bịa đặt ?

I

TRONG văn học của xứ ta, cũng như trong ngàn vạn môn khác, sự tra-cứu những việc đã chôn sâu dưới thời-gian chẳng những là khó khăn mệt nhọc, mà lại còn mơ-hồ chệch mát, không thể cho ta chắc rằng ta đã nắm được sự thật hay là hầy còn lắm. Và như thế, vì ta không có đủ sách vở đích xác, không có bút-tích rõ ràng.

Muốn hiểu một việc gì thuộc về đời xưa, ta phải cần dùng đến lý-trí mà suy nghiệm so sánh. Cái gì đã ghi chép lại mà ta xét cho là có lý, là có thể có được thì ta tin có. Còn cái gì mà ta cho là vô lý, không thể hợp với lẽ thật tự nhiên, thì dầu có ai bảo thế nào đi nữa, ta cũng chẳng nên tin, vì nó

đã không thể nào có được thì không bao giờ nó có.

Vả chẳng, các nhà bác-học Âu-Tây, những bậc sử-ký-gia, cũng như những nhà địa-chất-học, cổ vật-học v.v... đều dùng phương pháp lý-luận ấy mà tìm sự thật trong đám tối tăm mù mịt của thời-gian.

Trong văn-học của ta, hoặc là người ta khẫu truyền từ xưa đến nay, hoặc là có thấy trong sử-ký; cho đến mấy năm gần đây, trong những sách biên chép văn-thơ đã đua nhau xuất-bản, ta đều thấy có nói đến cái tài ứng-khẩu lanh lợi và thần-tình của lãm văn-hào, và nhất là của mấy Trạng-nguyên đi sứ bên nước Tàu, cái nước nhờ đó mà nảy nở ra nền văn-học hồi bấy giờ.

Theo những lời tán tụng trong sách, sử ấy thì nào là nhờ ông Trạng-nguyên này uốn ba tấc lưỡi mà cả văn-nhân tài-tử nước Trung-Hoa phải kính phục, trở sợ lại cái nước Nam nhỏ xiu của mình; nhờ ông Trạng-nguyên kia làm một bài «thơ bèo» nho nhỏ chơi, mà đuổi lui cả hàng trăm vạn tinh-binh của quân bên kia cửa ải Nam-quan tràn xuống. Danh vọng thật ! Như thế làm gì mà người Nam ta chẳng dung-dung tự-đắc, làm gì mà khi đọc đến lịch-sử và

văn-nghệp của những vị « anh-hùng cứu-quốc » một cách gián-tiếp, khỏe khoắn, chẳng hao một giọt máu, chẳng nhọc một chút công ấy, thì ngoài sự tôn-sùng mấy Trạng kia như những vị thần thánh, ta chẳng hình lỗ mũi to bằng thúng.

Đích đáng lắm ! Nước Nam ta, cái giải áo của cái áo nguyên là nước Tàu kia, học đòi theo họ, cái gì cũng chịu sút thua, mà bao giờ đến những cuộc đấu-trí cũng hơn được cả, thì còn gì vẻ vang bằng, còn gì hân hạnh bằng?

Song cái chỗ hơn ấy mới thật đáng đề cho ta ngờ chớ ? Ta thử tự hỏi như thế này : « Nếu như mình bịa đặt ra những câu chuyện ấy để mà chơi ? . . . ».

Câu hỏi ấy, không phải là vu-khoát. Ta hay đem phương-pháp lý-luận đã nói ở trên dùng mà viện chứng.

Ta sẽ lấy từng truyện, và lần lượt bác những cái vô lý đi.

Bắt đầu hãy nói về Trạng Nguyễn-Hiền, vì có lẽ đó là ông Trạng xưa nhất (đời Trần-thái-Tôn).

Sử chép rằng : Năm lên bảy tuổi, Hiền đang chơi ở ngoài đường với nhiều trẻ khác, lấy đất sét làm voi, bắt đĩa làm vôi rồi để

lên mình cua cho bò đi như voi sống. Một ông quan nom thấy đọc lên rằng :

— *Đồng tử ngũ lục nhân, vô như nhĩ xảo !*

Hiền bèn hỏi ông là quan gì, thì ông trả lời : « Ta là quan Thái-Thú, ăn lương ngàn học ». Thoạt mới đến đây, ta đã thấy cái ngu của người chép sử, hay là người bịa ra chuyện này rồi. Đời thuở nào có ông quan u mê đến thế ? Người ta hỏi quan gì, nói xong thì thôi, chứ ai còn hỏi gì đâu nữa mà khai ra ăn ngàn học với vạn học ? Nhưng chẳng thế thì làm gì thắng bé bảy tuổi kia ứng-khầu ngay được :

— *Thái-Thú nhị thiên thạch, mạc nhược công liêm !*

Thế là không kể cái lấu cá của nó khi nó giấu chữ « Liêm » ở cuối câu, chưa chịu nói, đề xin tiền đã (ấn mảy) và nếu như ông quan không cho thì nó sẽ thế chữ « Bần » vào. Bảy tuổi, cái tuổi ngây thơ, vô tội, mà biết xỏ lá !

Đến khi Hiền đỗ Trạng - Nguyên (12 tuổi) vua không cho làm quan, bảo về nhà học lễ đã. Một đấng Trạng - Nguyên đứng đầu một nước thi-lễ như nước Nam mà còn phải đuổi về nhà học lễ, thì Trạng cái gì ? Đến khi sứ Tàu qua đổ bài thơ chữ « Điền », cả nước ai

cũng chịu, mới phải cho người đi triệu Hiền về giải. Sứ giả đến làng quê Trạng gặp một thằng bé, đọc ngay một câu :

Tự 字 là chữ, cất giàng đầu : chữ Tử 子 là con, con ai đó ?

Hiền ứng khẩu đối ngay :

Vu 于 là chung, bỏ ngang lưng : chữ Đinh 丁 là đứa, đứa nào đây ?

Thì té ra đời xưa họ gặp nhau là ra câu đối để người kia đối lại, như đời bây giờ mình bắt tay chào mà hỏi : « Ông có mạnh giỏi không ? — Cám ơn, còn ông thì sao ? » ấy. Cái đời thuần cả tao-nhân mặc khách, từ Trạng-Nguyên đến sứ-giả có khác.

Kể thì câu đối cũng hay thật, hay vô cùng, tài tình vô cùng. Song bảo rằng không nghĩ cho nát óc ra, chỉ ứng khẩu ngay mà xác như thế, mà sâu độc như thế, như là đã thuộc lòng đầu từ trước thì phỏng ai còn tin được, huống hồ là đối với một thằng bé trên đầu chưa sạch bã !

Cái câu chuyện thần-dồng kia bao giờ cũng chỉ là chuyện « đề mà chơi » thôi !

Đến như Trạng Mạc-Đĩnh-Chi ! Mạc-Đĩnh-Chi lại càng « ghê » hơn nữa, tuy ông không phải 12 tuổi mà đỗ Trạng-Nguyên.

Ông đi sứ Tàu, gặp ai cũng một cách chào

bằng câu đối như thế cả, mà toàn câu đối chiết-tự mới tài cho.

Những câu đối ấy nhiều lắm, và chép lại cũng nhảm, vì nó toàn một tính-cách « xỏ lá vật » vớ nhau cả, bên này châm bên kia, bên kia chích lại, cũng xác đáng lắm, cao xa lắm, nhưng chính vì thế mà bảo chỉ nói đi đáp lại như là nói chuyện thì cũng như bảo viết mà chỉ đề bút lên giấy rồi tự nhiên chữ nó lòi ra sắp đặt đầy trang, hay là bảo chạy một trăm dặm mà chỉ bỏ chân xuống đất là tới nơi ! Vì tư-tưởng của người ta, tuy tốc-lực của nó hơn điện-khí, nhưng cỗi của nó là vô-cùng, vô tận, nên cũng cần đến thời-giờ. Nếu quả thật mấy ông Trạng có cái óc tài tình như thế, sao chẳng thấy ông nào phát-minh lấy một học-thuyết gì, một chủ-nghĩa gì, chớ đừng nói đến những công cuộc kinh-thiên động-địa về khoa-học nữa. Chả có lý một cái óc như thế, mà suốt đời, năm sáu bảy tám mươi năm, mà chỉ được năm ba câu đối, một vài bài thi mà thôi. Như thế thì chậm quá, chớ lanh cái gì đâu !

Sử lại chép : Khi vua Tào thân - hành sát hạch ba Trạng : Annam, Cao-ly và Nhật-bồn, ra bài luận lấy cây quạt làm đề, thì Mạc-Đĩnh-

Chi chịu, làm không được. Ông bèn liếc sang bên Trạng Cao-Ly, trông cái đầu mút quần bút ông ta nhúc nhích mà đoán ra ông ấy viết gì ! Thế rồi ông cứ theo đó mà bàn, mà tán, mà tô điểm thêm, đến nỗi bài ông «*Lưu Kim Thước Thạc, Thiên Địa Vi Lô*» được chiếm nhất.

Một ông Trạng đi dân ứng đối tức thời như mưa sa gió táp, mà không làm nổi bài thơ cây quạt, phải đi «cóp» (Thật là cái giống An-nam từ thẳng cu lớp sáu đời nay lên đến ông Trạng đời xưa cũng chỉ tài có một môn : đánh cắp). Mà đánh cắp làm sao ? Liếc trông đầu quần bút người ta nhúc nhích mà biết !

Nhưng trong khi người ta còn tin ông Trạng họ Mạc đi tiện ra phần hình vương thì cũng khó mà nói cho ra lẽ phải !

Bây giờ nói chuyện trạng Quỳnh.

Các sách xưa chép rằng khi sứ Tàu qua nước ta phong vương cho Lê-thuần-Tôn, vua sai Trạng Quỳnh ra nghênh-tiếp. Quỳnh ại mang theo cả cô Thị-Điễm ra lập quán nước bên đường mà đợi sứ đến !

Thị-Điễm mặc áo lượt mỏng (đó là đặc điễm quan trọng lắm) để lộ màu da mơn mớn, đến nỗi sứ Tàu thấy chọc một câu rằng :

— Nam bang nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh.

Nhưng Thị-Điễm đã đọc tiếp ngay :

— Bắc quốc đại-trượng-phu, dai do thử đồ xuất.

Có sách chép rằng : «Sứ Tàu bị xỏ đau, đỏ mặt, cắt mắt». (!) (Văn-Đàn Bảo-giám Nam-ký).

Ông Ôn Như Nguyễn văn Ngọc phê-bình rằng :

«Nhanh trí khôn lắm là Thị-Điễm, tài tình lắm là câu đối của Thị-Điễm ! Ra ngay đây, đối liền ngay đây, tuy là một câu đối tầm thường, nhưng cũng đủ khiến cho người đất Bắc phải thất đảm mà phục người đất Nam, dầu chỉ là một cô con gái bán hàng nước mà hay chữ đến bậc ấy ! Nước Nam ta không dám chọi với Thượng-quốc về cái gì cả. Nhưng được vài câu đối chọi cả ý cả văn, như đối này cũng gọi là một cách chọi, mà chọi hơn người vậy ». (Nguyễn văn Ngọc-Việt văn thư xã).

Song ta thử xét câu chuyện ấy có thiệt hay không đã, chớ đừng nên tự đắc vội ! Xem đó thì ra Thị-Điễm, chẳng những ứng

đối được liền một câu hay ho như thế mà thôi, mà lại còn đoán biết trước cái câu của sứ Tàu nữa, không thể sao lại mượn cách ăn vận lố lờ ấy làm gì?

Làm thế là đề gợi cho anh sứ Tàu nói câu ấy ra, như thế tỏ ra là đã biết trước cả hai câu, thì chẳng những Thị - Diễm không tài gì cả, mà cả chuyện ấy cũng là vô lý, chuyện láo ! Thế mới biết cái thằng cha đặt hai câu ấy ra, muốn cho hay, mới bày vẽ thêm chuyện, nhưng mà bất thông, nó lòi cái ngu, cái gian dối ra, và cả cái ác nữa, vì hãm bắt Thị - Diễm đóng vai một con dĩ, chứ có phải là một cô hàng nước đâu?

Muốn nói cho hết lý, một viên sứ Tàu, một vị khâm-mạng, đại diện cho hoàng-đế nước Tàu qua phong vương cho vua nước Nam mà vua lại chỉ sai một ông cống-sinh (Trạng Quỳnh chỉ đỗ cống sinh) xưa nay đã nổi tiếng là láu cá, với một con dĩ ra mà nghênh tiếp thôi. Mà một vị Khâm-sai đi đến đâu là không có công quán, biệt dinh đề dinh-trú, lại vào làm gì trong cái chòi khồ, như là một tên lính «mạch lò» ở bề mới lên. Đề đến nổi bị cô hàng nước «nhà thờ» ấy chích

cho một mũi dao dớn mà cắt! Cút đi, thì công cán Khâm sai đánh bỏ cho ai, và ấn kiểm của vua Tàu ban qua vớt đi đâu cả?

Lại còn câu chuyện qua dò nữa. Lần ấy viên sứ Tàu lỗ tròn, rồi muốn chữa then, đọc câu « Lôi động nam bang ». Thế mới có cớ để cho Trạng-Quỳnh ra mũi thuyền.. tiểu tiện mà đổi lại :

« Thủy lưu Bắc-hải ».

Cái đời thuở gì hay quá! Những nước lễ nghi như nước Tàu và nước Nam, mà cả Khâm-sai, cả Trạng nguyên thi nhau những điều thô-tục ghê tởm của bố cu mẹ dĩ ở nhà quê, và đối đáp với nhau như thắng quýt, con sen, hàng tôm chợ cá!

Đến chuyện Trạng Giáp Hải.

Sử chép : « Khi Mạc-đăng-Dung tiếm ngôi, bên Tàu sai Mao-bá-Ôn sang đánh úp nước ta. Bá-Ôn đến Nam-quan, làm bài thơ bèo đưa sang trước xem có ai họa nổi không...»

Thơ như vầy :

Mọc theo ruộng nước nhỏ như châm

Rễ bám nơi nào cũng chẳng thâm

Nào có căn miêu, nào có điệp,

Dám sinh chi tiết, dám sinh tâm,

Tụ rồi đã chắc không khi tán ?

*Nỗi đó nào hay có lúc trầm ?
Đến độ chiều trời phong khí ác
Quét về hồ bể hẩn khôn lăm !*

Đây là bản dịch của Nam phong tạp chí. Sở dĩ tôi chỉ chép bản dịch, là vì tôi muốn cho tất cả độc giả có thể tự nhận lấy cái hay dở ở trong.

Mạc-dăng-Dung sai Trạng Giáp Hải họa lại. Bá-Ôn xem bài thơ họa, biết nước Nam có người tài (gớm !) không dám đánh nữa, rút quân về. Ta thử đọc bài họa ra thế nào mà có cái giá trị « cứu quốc » đến thế:

*(Vẫn bản dịch của Nam phong)
Mau ken vầy gấm khó luồn châm
Cành rẽ liền nhau mọc rất thâm
Tranh với bóng mây trên thủy-diện
Há dung vòng nguyệt lọt ba-tâm,
Nghìn trùng sóng đánh thường không vỡ
Muôn trận phong xuy cũng chẳng trầm
Nào cá, nào rồng trong ấy ẩn
Cần câu Lả-Vọng biết đâu tìm !*

Ấy đó : Bài thơ như thế mà một viên đại-tướng nước Tàu, trong tay cầm million, vạn hùng binh, sang cốt để « đánh úp » nước ta, đọc đến mà phải sợ, phải lui quân trốn về ! Trốn về thì lão Bá-Ôn cũng đến nước phải xẻ thịt ra, cắt bài thơ ấy vào, may

lại cho kỹ đã, kéo sợ rơi, rớt thất lạc đi, để đem về mà trình cho vua chúa nhà nó, để chứng cứ sự lui binh của mình, rồi cả triều đình nhà nó đọc đến thơ cũng thất đảm giật mình thon thót lên, phải chịu là tài, là giỏi, là thần thông. Không có thể thì cái đầu của ông đại-tướng vẫn võ kiêm toàn kia cũng khó lòng mà ở lâu trên cổ.

Nước Tàu có ngu đến bậc ấy không ?

Các anh đồ khổ nhà ta, nhai đi nhai lại ba cái truyện Tàu cho lắm, rồi cứ tưởng việc tề-trị một quốc gia, chinh phạt một dân tộc, cũng như là đồ chơi như chuyện của Lý-thái-Bạch dịch thơ mọi Hồ và chuyện Chung-vô-Diệm đánh cờ với con khỉ ! Họ không biết rằng không bao giờ mà vận mạng của những sơn hà xã tắc lại có thể nằm trong một câu đối hay một bài thơ ! Chảy từng sông máu, chất từng núi xương, mà còn chưa giải-quyết được vấn đề quan trọng ấy, chớ đâu phải một trò múa rối hay một cách đánh đồ đen bằng con thò lò.

Sử còn chép chuyện nhiều Trạng nữa, như bọn Phùng-khắc-Khoan (học-trò của Trạng Nguyễn-bình-Khiêm) Trạng Me, Trạng Ngọt v.v...

Thế là không kể các Trạng « bạng nhi »

như Trạng Lợn (Dương-dinh-Chung) Trạng Ăn.....và Trạng Cóc đấy.

Tóm lại, theo những lời suy nghiệm ở mấy đoạn đầu, tôi không bác cái « nhân-vật » của các ông ấy, tôi không nói là không có Nguyễn bình-Khiêm cũng như tôi vẫn nói Mạc-dĩnh-Chi là có thật. Nhưng tôi bảo những câu ứng khẩu tài tình, cho đến những chuyện đấu trí hơn người ấy đều là chuyện bịa đặt cả. Tôi dám quả quyết nói không có, là vì nó vô-lý, nó không thể có được. Đó chẳng qua là năm ba anh đồ không việc nằm khàn đặt ra — rồi muốn cho được lưu truyền lại lánh mình đi mà phao lên rằng của ông kia, bà nọ.

Một lý nữa là xét đến tình trạng của nước Nam ta trong hồi ấy, yếu hèn ở bên một nước cường thịnh, ngày ngày run sợ như con chiên đứng bên con cọp, thường năm phải cố gắng không sai, nói tắt một chữ là cái gì cũng chịu thua sút họ, tất nhiên phải sanh ra tâm-lý tự an ủi lấy mình, như cái tâm lý anh học trò dốt kia tự bảo người quân tử ăn không cần no vậy. Muốn đề quên cái thẹn trăm món trăm thua của mình, mình đặt đề ra những câu chuyện đấu chiến về tinh thần kia để mà sung sướng với nhau,

mà tự cao, tự đại với nhau.

Lại hoặc nữa những câu hay ấy một người nào đặt ra, thiên hạ đua nhau truyền tụng, đời này sang đời khác, rồi sau chỉ nhớ có những câu ấy, chớ quên hẳn cái tên của người đặt ra nó, bởi vì người ấy không phải là một bậc danh tiếng gì. Song, con người ta là giống đa sự, hay là một giống có nghĩa, biết ơn. Đọc một câu nghe hay, ngâm một bài thấy cảm là muốn biết đến tác giả của nó, chẳng đề làm gì khác hơn là sùng bái ngợi khen. Thế rồi họ nghĩ đến các văn nhân có tài mà danh còn lưu lại, rồi bài nào có khí-tượng đế vương thì cho là của vua Lê-thánh-Tôn, câu nào lãng-mạn lãng-lơ thì cho là của Hồ-xuân-Hương, câu nào có vẻ sâu xa rắc rối tài tình thì họ bảo của Trạng này, Trạng nọ. Cũng vì thế mà ta thấy lắm bài hoặc lắm câu có tính cách thô bỉ, ô tục, nó bảo cho ta biết rằng đó là cái ảnh hưởng của bộ óc quê mùa, thô-lỗ của bọn thường dân, nhất là của hạng quần lê về thời đại bán khai — đó là cái kết quả của nhiều người, ở nhiều đời cùng đặt.

Xem thế thì biết rằng những câu, những bài mà xưa ta vẫn tưởng là của ông này bà nọ không phải chính ở bộ óc họ sinh

ra ; cho nên sự chỉ tên dẫn truyện như xưa nay người ta đã làm trong những sách văn học, thật chẳng những còn hàm hồ vị quyết mà chắc là sai lạc nhiều phần nữa.

Đó là điều khó khăn cho ai sau này sẽ viết bộ toàn-sử về văn-học nước nhà, vì không biết mở đầu quyển sách ấy vào thời đại nào với những nhà thi-sĩ, văn-hào nào và không biết có nên cho những bài văn, câu đối ấy vào một hạng với ca dao tục ngữ, tức là cái sở-hữu chung của nhân dân một xứ, chứ không phải riêng của một người nào.

1933.

TÌM SỰ THẬT TRƯỚC KHI VIẾT BỘ « VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ »

II

DỌ C bộ « Văn-Đàn bảo-giám » tôi rất lấy làm lạ rằng lắm nhà chép sách, có học thức rộng, có thiên tư nhiều, như các ông Trần-Trung Viên, Trần-Tuấn-Khải, Dương-Bá-Trạc v.v.. mà lại đi nói — hay là chịu đề cho người ta nói — những điều huyền hoặc vô lý, mà một người thường chỉ cần có chút lý-trí suy-nghiệm, thoát trông qua đã biết ngay rồi. Thế mà người thì sao-lục, người thì dính chánh, kẻ thì đề tựa, chẳng ai trông thấy cái chỗ hoang đường, vì họ tin những sự hoang đường ấy là chuyện thật cả rồi !

Nên kê ngay tội của họ ra đây.

Sử sách xưa của ta, có chép nhiều chuyện hư vô như chuyện hồn oan quỷ hiện, vì hồi

ấy chưa ai biết khoa-học là gì, và cứ tưởng lầm rằng âm dương nhất lý, nên người chép sách ghi chép lấy những chuyện ấy mà cũng cho cùng một giá-trị với chuyện thường.

Hến nay khoa học đã tràn khắp hoàn cầu, ở xứ ta, dù chưa mở mang chi lắm, ít ra nó cũng đủ sức đề đánh đổ các chứng mê tín dị đoan. Thế mà bọn ông Trần Trung-Viên, nghiên cứu về văn-học sử thấy những chuyện phi-lý, không thể có ấy, vẫn tin là có thật, rồi, chẳng đề bụng thì chớ lại còn làm sách, in bán, làm mê-hoặc thêm lòng quốc dân, trong khi cái hư-thuyết âm-dương đối với họ đương còn phân vân chưa định.

Có người quá hăng tính bảo các ông ấy là đi mũi vào trong đám sách cũ, tìm được cái gì có liên lạc đến văn-học là chộp ngay, sưu tập lại, như người đi tìm vàng, nhắc đến cả cát, dù biết những chuyện ấy là chuyện láo, họ cũng nhắm mắt lờ ra, cốt để gom góp cho dày sách, bán cho đắt tiền.

Lời trách ấy cũng khi quá đáng. Nói cho phải, bản tâm các ông ấy, tôi chắc không là vì lợi. Chỉ vì những bộ óc các ông quá « xua » quá « cũ » đề chịu nổi một « cuộc cách-mệnh tinh-thần » tôi muốn nói đề bỏ sự tồn cổ không đáng đi, đề biết cách suy

nghiệm, cách chia những điều có lý riêng những điều không có lý, dù những điều ấy do những bậc thánh hiền nói ra cũng vậy.

Lại còn một lẽ nữa là các ông quá yêu chuộng những văn-liệu xưa ấy, cho nó là những « quốc-túy, quốc hoa » (bài tựa của ông Dương-bá-Trạc). Đó chính là cái tâm lý của kẻ si-tình, đến yêu ai thì chỉ thấy cái hay của người ấy, chớ không bao giờ chịu nghĩ rằng người ấy cũng có thể có tật xấu, cho đến có ai mách bảo giùm, thì cũng bác bừa đi chẳng chịu nghe. Các ông quá ham mộ sùng bái những tác giả của những bài cổ-văn (1) ấy, mà không nỡ bỏ đi. Các ông có biết đâu rằng bao giờ một điều gì hoang đường thì nó mất cả giá trị dù nó là quốc-túy, quốc hoa.

Ông Nam-Ký có viết rằng : « Dám mong đồng bào sẵn lòng hoan nghênh thì dưới suối vàng các bậc danh-nho cũng được thỏa dạ » (Văn-dân bảo-giám, quyển I)

Xem thế thì đủ biết các ông tin thuyết âm dương đến bực nào ! Các ông mê-tin đến bực nào !

(1) Nhưng mà chắc chỉ những kẻ các ông sùng bái đó đã chính là tác giả thật (Xem lại bài trước) Lời ký-giả.

Tuy nhiên, không những chỉ riêng bọn ông Trần-Trung-Viên mới mê-tín. Chỉ có thể thì còn may lắm, và bài này cũng không cần có ! Song một số người rất lớn trong nước, hiện bây giờ, đều còn tin chạ như vậy. Tôi có đem chuyện những tay « anh chị » trong tuồng chớp ảnh cảm hồi trước như chuyện chàng « Robert Cross » « Người kỵ-mã không đầu » « Đi công cán qua xứ thú-dữ » v.v... kể cho một đôi ông cụ nghe. Họ cười tôi trẻ con. Họ bảo : « Mấy bọm ấy nào đã biết đẳng-vân như Đại-Thánh, độn-địa như Trương-Khuê, đề đi cứu tình-nhân, có tiện không ».

Đó là một cái hại lớn, ta không thể bỏ qua được. Cho nên tuy bài này mới trông qua tưởng là đề công kích bọn ông Viên, nhưng kỳ thật nó chỉ đáng là một bài phi-lộ, một tờ hịch gởi chung cho tất cả ai là người đồng bệnh với ông Viên. Ông này chẳng qua chỉ có cái tội là nói to lên những điều mà người khác nghĩ thầm trong óc. Mà cái tội nói to, nhiều khi chính là một cái công, một cái tài đấy !

Tôi chép ra sau này những bài vô ý thức đã nói ở trên :

Sách Văn-Đàn Bảo-Giám, quyển II, ở trang

105, kể rằng khi Hạng-Vương chết rồi, vua Hán-Cao-Tổ làm cho một miếu thờ ở bên sông Ô-Giang. Miếu ấy linh lắm. Ghe thuyền qua lại phải lên lễ đốt vàng hương, không có phải chìm. Mạc-dĩnh-Chi đi sứ Tàu, qua đó không dừng lại. Quả nhiên một trận phong ba nổi lên, toan đắm thuyền. Mạc ra trước mũi, ngâm một bài thơ, tức thì gió im sóng lặng. Thơ rằng :

*Quân bắt quân hề, thần bắt thần,
Như hà miếu mạo tại giang tân !
Giang đông lịch nhật do hiềm tiều,
Hà lịch thiêu tiền bách vạn cân ?*

Ý chê Hạng-Võ : « Vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, sao mà có miếu thờ ở bờ sông. Ngày trước cả Giang - đông còn cho nhỏ. Bây giờ chứa chất tiền đốt cho nhiều để làm gì? »

Ông Trần-trung-Viên chua rằng : « Miếu ấy, từ đó mất thiêng. Sau ai đi qua cũng không phải ghé thuyền vào bến như trước nữa. Ý chừng Hạng-Võ bị mấy câu mắng đó, đã biết xấu hổ rồi chăng? Xem thể đủ biết như Hạng-Võ lúc sống khỏe « muôn người khôn địch » (nói láo) lúc chết lại thiêng, thế mà có mấy câu thi của cụ Mạc mà phải mất hết nhục-khi anh hùng ».

Cùng ở trang đó lại có chuyện này :

Vương-Bột làm hai câu phú « Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc, lạc hà dữ cô vụ tề phi » không thấy vua khen, tức lắm, sau chết ở Động - đình - Hồ, khi trăng thanh gió mát, người ta thường nghe trong hồ có tiếng ngâm hai câu thơ ấy luôn. Mạc-đĩnh-Chi (đã lại Mạc-đĩnh-Chi ! cái ông này e đi chu du khắp nước Tàu chứ chẳng chơi !) qua đó nghe chuyện bảo rằng : « Vương-Bột dốt thể thực đáng chết » (Trạng...Cóc !) rồi ông bỏ hai chữ « Cộng » 共 và « Dữ » 與 đi, tức là hai chữ nối, không quan trọng gì, mà có nó câu văn càng nghe kêu. Thế mà bảo người ta dốt đến đáng chết đi được ! Ông Trần-trung-Viên chua rằng : « Từ đó nơi Động-dình-Hồ đêm khuya không nghe tiếng ngâm hai câu ấy nữa, ý chừng Vương-Bột đã biết mình dốt hơn sứ Annam chẳng? »

Làm một cái gì, mình cho hay, người ta không cho hay, mà tức đến chết đi, nếu phải như thế thì trong hoàn cầu, bất luận thời - đại nào, ở xã - hội nào, những kẻ tài-năng lỗi-lạc đua nhau chết không biết bao nhiêu mà kể ; hoặc là, đề đòi cách nói, từ xưa tới nay, từ đông sang

tây, nếu mình chưa thấy ai vì tức như thế mà chết cả, là chỉ vì thiên-hạ toàn là người ngu cả, mới chỉ có một mình Vương-Bột chết mà thôi ! Không hiểu sao bọn ông Trần-trung-Viên lại... chưa chết?

Lại tiếp liền theo hai câu chuyện kể trên (trong một trang) câu chuyện này đề là « Giải oan ».

Một cô gái hàng nước (lại cứ hàng nước thật chán cho người mình khi nào cũng tưởng bao nhiêu cô hàng nước đều là Nữ-Trạng-nguyên cả) thấy một anh học trò theo đuổi mình hoài, bèn ra một câu đối như vậy, đối được mới chịu lấy: « Ngân bình kiên thượng tử » (bình bạc có mũi trên vai). Người học trò đối không được, then quá nháy, xuống giếng tự tử rồi hiện hồn lên ghẹo người qua đường, và luôn luôn người ta nghe dưới giếng tiếng ngâm câu « ngân bình kiên thượng tử » (thối vang ra đấy, chớ hay ho gì mà ngâm). Mạc - đình - Chi qua đó — (vâng ă ! lại ông ấy nữa đấy !) Mạc-đĩnh-Chi qua đó nghe chuyện bảo rằng :

— Câu dễ như thế, đối không được mà phải ngâm oan nơi đáy giếng. Thôi đề ta giải oan cho !

Rồi ông đối lại rằng: «Kim tỏa phúc trung tu» (Khóa đồng có râu trong bụng) Từ đó oan hồn tan đi không hiện lên nữa.

Truyện này thật chẳng khác một tí nào với chuyện của ông Ôn-như Nguyễn-văn-Ngọc nói về anh học trò ở nhà ngoài, nửa đêm muốn vào với vợ, gọi cửa vợ ra câu đối, đối được mới mở: (ò! quốc hồn, quốc túy của ta sao mà nó như bát cơm nếp nát, chỉ nghe hoài cái câu chuyện đối đáp này, và bây giờ còn phải kể lại nữa, e đến bỏ cơm trong ba ngày mà chưa hết ớn) Đối rằng: «Bán dạ tam canh bán» (nửa đêm nửa canh ba). Anh học trò đối lại không được lại nhảy xuống giếng tự-tử, hóa ra một con chim chèo bẻo, đêm ngày đậu trên đọt cau kêu: «bán dạ tam canh bán, bán dạ tam canh bán!» Sau có ông quan nghe chuyện mắng là đồ dốt, đọc rằng: «Trung thu bát nguyệt trung» (giữa mùa thu, giữa tháng tám) tự khắc con chim ở trên đọt cau rơi xuống chết tươi. (Ôn-như Nguyễn-văn-Ngọc — Đông - Tha h Tạp - chí số 7).

Tôi không cần nói đi nói lại cái chỗ hư-vô tà mỵ ấy. Riêng tự nó, nó đủ chứng tỏ sự không có của nó rồi!

Nay tôi chỉ xin lấy một chỗ rất thường, chỉ cần một chút trí thông minh là thấy ngay rằng những chuyện này là không thể có được: xin nói ngay là cái chỗ giống nhau của nó.

Trên kia chắc các bạn đọc-giả đã nhận thấy rằng tôi rất chú ý đến sự liên tiếp nhau trong các chuyện của ông Viên đã chép. Đó là một tiểu-liết tối ư quan - trọng. Nếu mỗi truyện ấy nằm ở mỗi sách riêng nhau, không có cái gì dính-liu để cho mình so sánh thì còn có thể bỏ qua, không chú ý được. Chớ nó nằm trong một sách, ở trong một trang của một người thuộc lòng lấy nó mà kể lại, thì cái người ấy phải dốt lắm mới không thấy rằng nó giống nhau như một.

Xin hỏi: trong những hoàn cảnh khác nhau trong những thời gian khác nhau, trong những trường hợp khác nhau, mà chỉ có một người chủ-động (Mạc-Đĩnh-Chi) mà lại xảy ra luôn ba chuyện giống nhau như một, thì có lý gì cho những chuyện ấy là chuyện thật không?

Ví-dụ: Tôi đi chơi. Tôi gặp một người, vì mất một điều thuốc lá mà tự-tử (khoan cười đã) bằng cách nhảy xuống giếng. Tôi cứu.

Trong câu ấy có năm điều đặc sắc: 1) là

tôi đi chơi. 2) là mất điều thuốc lá. 3) là tự tử. 4) là tự-tử ở giếng. 5) là tôi cứu được.

Lần khác tôi lại đi chơi. Bảo rằng còn gặp người đi tự-tử, vì chán đời, vì giận vợ, mà tôi lại cứu được nữa, thì đã hơi khó nghe rồi, nhưng cũng cứ tin đi. Chớ đến nói người kia lại đi tự-tử vì cũng mất điều thuốc lá nữa, thì hỏi còn ai nghe được không?

Huống hồ lại bảo thêm rằng là người ấy cũng nhảy xuống giếng mà tôi lại cũng ra tay cứu được, thì người nghe chuyện cũng nên tìm một cái giếng đâu đấy nhảy xuống, mà tự-tử nốt cho xong!

Ấy là chỉ một lần thứ hai mà đã chẳng có thể tin được, phương chi đến ba lần như truyện Mạc-Đĩnh-Chi? Sao không ai chép tên cái ông quan trong truyện của ông Nguyễn-văn-Ngọc để ta xem có phải lại là Mạc-Đĩnh-Chi nữa không?

Riêng một thí-dụ hoạt kê trên này cũng đủ chỉ cho ta thấy chỗ hư vô của những chuyện kia rồi.

Đáng lẽ tôi không cần cày đến hai luận chứng sau này nữa. Nhưng vì nó đã có sẵn rồi, nên cũng bày ra đây luôn.

Chúng ta phải biết rằng mỗi lần mà một

ông Trọng-nguyên nào của ta qua Tàu, là đi công cán. Hành trình đã định trước, thời khắc cũng chỉ rồi, nếu rủi ra đến Kinh-đô Thượng-quốc người ta chưa muốn cho vào bệ kiến, thì chỉ phải nằm khàn ngoài quán dịch mà chờ, xong việc thì vội-vã mà về, có đâu được rảnh đi ngao du khắp cả nước Tàu như sử đã chép về chuyện Mạc-dĩnh-Chi vậy? Ai có bệnh-vực cho danh-tiếng ông Trọng họ Mạc mà bảo rằng những chỗ có vết chân ông, chẳng qua là những chỗ ông phải đi qua, khi đến Kinh-thành Trung-quốc, hoặc là khi trở về nước mà thôi. Cái đó cũng dễ bác lắm. Ta cứ dở một bức họa đồ xưa của Tàu ra mà dò xem Động-dinh hồ, Ô-giang, Hàng-châu, Cao-ly v. v... thì ta sẽ thấy mỗi xứ xa cách nhau hằng muôn vạn dặm mà chẳng nằm ngay giữa đường đi từ cửa Nam-quan đến Yên-kinh nào.

Lại còn một lẽ này nữa, cũng dễ thấy lắm như mấy lẽ đã bày tỏ ở trên.

Nước ta từ ngày hai nhà chính-trị Tích-Quang và Sĩ-Nhiếp đem cái văn - tự của Tàu sang dạy cho mãi đến mấy đời sau tức là hồi nhất định độc lập của các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần thì sự Hán học đã sai hẳn gốc của Tàu rồi, mà dần dần cái văn-

tự nguyên xưa đã thành một thứ văn-tự đặc biệt, chỉ có thể gọi là Hán-Việt văn-tự mà chúng ta theo lối xưa gọi là thứ « Chữ Annam ».

Một người Trung-Hoa và một người Việt-Nam muốn hiểu nhau, phải dùng đến cái lối rất phiền-phức là lối « bút đàm », vì cùng một chữ tuy viết như nhau, nhưng ta đọc khác, Tàu đọc khác. Lại rắc rối hơn thế nữa là chỉ riêng về một nước Tàu, và cũng là một chữ ấy, người Quảng-Đông đọc khác, người Triều-châu đọc khác, đến người Cao-ly lại càng đọc khác hơn nữa.

Trước cái tình-trạng ngôn-ngữ bất đồng ấy, mà bảo rằng Mạc-dĩnh-Chi, bất luận chơi xù nào cũng ứng-đối, biện-thuyết được cả thì dù muốn nghe liều đi để cho những kẻ quá tin họ vui dạ cũng không thể nào nghe được.

Trước khi đánh chấm sau cùng cho mấy hàng này, tôi xin nói thêm rằng nếu trên kia tôi có nhắc đến ông Nguyễn-văn-Ngọc, là chỉ đề viện thêm luận chứng mà thôi, chớ ông ấy thật là vô tội ; vì ông chỉ kể « chuyện cổ tích » nghe chơi, cũng như ông Đỗ-Thận kể chuyện Tấm Cám trong « Ấu Học Luân-Lý » mà thôi, con nít ta có đại

mà tin thì sau lớn khôn chúng nó tự nhiên không tin nữa.

Nếu như bọn ông Trần trung-Viên bảo rằng sách của các ông ấy cũng dễ « xem mà chơi » thì tôi không nói. Cái này, các ông cũng chán biết rằng sách của các ông nó có — nếu không phải cái giá-trị — thì cũng là cái trách nhiệm của một bộ văn-học-sử ! Các ông phải thận trọng chứ !

1933

PHẢI ĐÁNH ĐỔ NHỮNG TÀ THUYẾT CHO DẦU NÓ SÀN XUẤT TỪ MỘT NƯỚC THƯỢNG TRÍ

(Chết chính cùng Ông Trần-Trung-Viên)

TÔI không muốn nói đi nói lại nhiều lần
dầu, đến tuổi đứng đắn rồi, và phải trọng
độc-giả mới được, đừng nên làm nhảm
tai các ngài và choán giấy trong tờ báo. Nếu
ông hẳn là người vì văn học muốn nói chuyện
thêm cho bổ ích xin cho tôi biết chỗ quý ngụ
để bĩ-nhân đến thụ-giáo, hoặc là mời ngài
lại chơi nhà tôi ở số 13 Miribel, chúng tôi
vẫn sẵn lòng nghe... »

Đó là câu tái-bút của ông Cầm - đài Trần-
trung-Viên phụ thêm sau bài ông viết đề phản
đối bài « Tì-m-sự-thực... » của tôi.

Ông rồi ngài, tôi rồi bĩ-nhân, tuy cách xưng
hô không duy-nhất, chúng ta cũng không phải
cãi nhau về văn - pháp làm chi, mà có điều

quan-trọng đáng nói hơn.

Đọc câu của ông Viên trên này, tôi thấy hai việc : một là ông ấy không biết tôi ở Huế, sự ông ở Hanoi, mà đòi đến « thụ-giáo » tại nhà tôi, hay mời tôi « lại chơi » nhà ông, hẳn không phải dễ — để cho khỏi nói là không thể được — ; hai là ông không muốn tranh luận cùng tôi, tôi không dám nói vì ông sợ, tự bảo ông cũng như các cụ ta ngày xưa chỉ ưa tĩnh mà ghét động, ưa lặng mà ghét ồn. Chỉ có một cảm tưởng rằng sẽ gây giữa ông cùng tôi một cuộc tranh-luận, nhất là khi có công-chúng, mấy nghìn độc-giả đứng làm giám cuộc, đã đủ làm cho ông rùng mình.

Riêng phần tôi, tôi cũng không muốn tranh biện cùng ông làm chi ; chúng tôi, bởi tính tình, bởi tư-cách, bởi niên-tuế khác nhau, không thể là đối thủ với nhau được ; tranh biện với ông, tức là lợi-dụng chỗ yếu của ông. Nhưng rủi thay bài phản đối của ông chạm đến tôi thì ít, mà chạm đến chân-lý thì nhiều, nên buộc lòng tôi phải viết lại bài này chất chính (1).

(1) Khi độc-giả đọc mấy hàng này, thì hẳn ông Trần trung-Viên. cũng đã nhận được thư riêng tôi trả lời ông về những điều quan hệ đến người riêng

Trong bài « Tìm-sự-Thực... II » của tôi có đoạn như thế này :

« Tôi có đem chuyện chàng « Robert Cross » « Người kỵ mã không đầu » kể lại cho một đôi ông cụ nghe. Họ cười tôi trẻ con. Họ bảo : « Những bọm ấy nào đã biết đẳng vãn như Đại-Thánh, độn địa như Trương - Khuê, đề đi cứu tình nhân có tiện không ? »

Ấy là tôi muốn tả bằng lối nói đùa, một cái tệ trong xã-hội ta là cái tệ hay tin bưng. Ai ngờ ông Viên trong khi biện hộ cho mình, lại đem cả một pho truyện hoang-đường từ Âu sang Á, trong ấy có cả truyện Phong-thần (tức là truyện có anh chàng độn địa Trương-Khue mà tôi đã nhắc ở trên), thật là ông tự đâm đầu vào đứng một hàng với những người can án, mà trình một bằng chứng hiển nhiên cho lời cáo-trạng của tôi ; như thế bảo ai mà nhìn cười cho được ?

Ông Cầm-Đài viết rằng :

« ... Sau này đến thời-kỳ quá văn-minh, giở lại đời Bàn cổ (?) ai nói đến tàu bay, hơi

tôi như chỗ ông dạy luân-lý cho tôi và bề những chữ bộn, láo sao ông ấy lại chưa chết v. v.. Nói thế để bạn đọc biết rằng bài tranh luận này chẳng có tính cách nào cá-nhân cả.

TRẦN-THANH-MẠI

ngạt, đạn biết bay, vô tuyến điện v. v... sẽ lại có một ông Thanh-Mại bảo là huyền, là đồ mê-lin cả mà ! »

Về thế-kỷ sau này, nếu không phải là một ông Trung-Viên khác thì ai đi bảo tàu bay, hơi ngạt, vô - tuyến - điện là huyền hoặc ? Những sự phát sinh về khoa-học, người ta đã cắt nghĩa rõ ràng trong những sách giáo khoa thường thức và sơ-lược nữa kia !

Tàu bay là gì ? Vì sao con chim nặng hơn không khí mà bay được ? Vì sao lúc nó liệng xuống, nghĩa là không dùng sức vượt lên, mà không rơi xuống đất ? Bởi vì sức gió đập vào những mặt bằng, rộng và dề chênh chênh (như hai cánh chim) có cái đặc tính đỡ nổi cái khối ấy lên. Thì Tàu bay cũng vậy. Bây giờ chỉ cần thêm bộ máy chân vịt để làm cái sức lướt tới, thế những bắp thịt ở dưới cánh của chim, tức là muốn bay đi đâu thì bay.

Vô-tuyến-diện ? Vứt một viên gạch xuống nước, nước rung động, làm từng quãng sóng, ngọn lá nổi ngoài xa, chỉ vì thế mà cũng lung lay rung động. Huống hồ những luồng sóng điện giữa khí trời, trong một giây đồng hồ (1/60 phút) đi mau được (300.000) ba mươi vạn cây

số. Những thứ điện - động - cơ làm theo kiểu Bobine de Ruhmkorff cứ việc phát những sóng điện ra, trong nháy mắt, ở trên quả đất này chỗ nào mà không đến?

Còn chuyện hơi ngạt? Hơi ngạt chẳng qua là một vị thuốc độc bằng hơi. Có người uống thuốc phiện với dấm thanh mà tự tử. Hỏi có ai nặn óc rồi kêu to: «Ồ! vô lý lắm! Uống thuốc phiện với dấm thanh mà chết được, nói láo! Ai mà tin!» — Không tin cứ uống thử mà chơi, tức khắc biết thiệt hay láo.

Vả chẳng nói đến chuyện thăng thiên độn địa mà ông Viên đem so sánh với tàu bay, tàu lặn bây giờ thì trong não ông, ông chắc phải nghĩ rằng những «bảo bối» của thần tiên đời xưa đều là có thật, sự ấy không thể cãi chối được nữa! Nhưng nếu quả như thế, thì hóa ra nhân - loại đi thụt lùi, mà chỉ có câu chuyện tiến-hóa mới thật là câu chuyện láo! Không thể sao đời xưa người ta đã làm được như thế, mà bây giờ chúng ta chẳng làm được như thế? — cũng như — vẫn theo ý ông Viên — đời nay có hơi ngạt, vô tuyến điện, tàu bay v. v... mà đời sau không có nữa (không có vì mất

đi, chớ không phải có thứ khác hoàn-toàn hơn, tiện lợi hơn thế vào) cho nên mới chẳng ai hiểu những điều ấy là gì mà tưởng là huyền hoặc ; thì ra mấy chữ «đến thời kỳ quá văn-minh» của ông Viên là vô nghĩa lý mà cách lập luận chẳng hóa ra mâu thuẫn lắm sao?

Đáng tiếc thay ! Ông Cầm-Đài Trần-trung-Viên tự bào chữa cho mình như thế thì trái hẳn với ý muốn mất rồi !

Nay còn một chỗ nữa cần phải nói.

Người ta — nói chung cả loài người — có cái tính rất hay là lấy cử chỉ của những kẻ tài giỏi làm chuẩn đích cho mình, nhưng trái lại cũng có cái tính rất dở là cứ ý lại nơi những kẻ ấy, mà cứ tưởng họ tài giỏi thì cũng tài giỏi cả, rồi một hai khi bắt chước theo họ mà làm bậy lại đem họ ra làm chứng cứ để chữa lỗi cho mình.

Riêng người An-nam thì cứ hay đem chuyện nước Pháp, nước Tàu làm tiêu chuẩn. Như cái «ca» ông Trần-trung-Viên đây là một.

Để bào chữa cho những vong thuyết của ông, ông Cầm-Đài nhắc đến người Tàu (những chuyện Phong - thần, Phong - kiếm xuân thu v. v.) và người Tây (bà Jeanne

d'Arc gặp thiên thần triệu, mống vàng trên trời khi đánh trận Waterloo v.v...)

Người Tàu bao giờ làm việc, họ cũng lười thôi lốc thốc như người Nam ta mà thôi, nghĩa là không có phương pháp. Ta chỉ nên nói đến người Pháp.

Nước Pháp là một nước văn minh về hạng nhất. Bất luận việc gì, ta phải công nhận đó là một nước thượng trí. Nhưng mà ở dưới mặt trời, không có người nào là hoàn toàn thì người Pháp sao thoát khỏi công lệ ấy?

Tôi đọc sử Pháp, thường đã thấy nhiều chỗ đáng hồ nghi, nhưng đó là chuyện của người ta, không quan hệ gì đến mình mà mình nói. Hoặc giả có người bẻ rằng : « Người Pháp tối văn minh, có lý nào họ chịu đề những chuyện vô lý vào trong sử sách mà họ chịu nổi ? » Tôi dám chắc rằng bộ óc đầy đủ của người Pháp vẫn đủ sức mà suy nghiệm thực hư, thành thử chuyện dẫu hoang đường, cũng không có hại, mà chính vì họ biết vậy, nên không có ai biện bác làm chi. Vả chẳng văn minh thì họ văn minh thật, nhưng biết đâu họ lại chẳng có ít ông Trung-Viên.

Nhân ông Trần-trung-Viên đã viện đến một đôi luận chứng trong lịch sử Pháp, tôi

xin bàn luôn đề phân minh hư thực.

Về chuyện Jeanne d'Arc *tưởng* nghe thấy thiên thần (Ta phải xét đến chữ *tưởng* rất quan hệ ấy mà không bao giờ họ bỏ sót) — Chúng ta phải biết rằng nước Pháp cho đến đầu thế kỷ thứ XVI, nghĩa là trước cuộc cải cách của Luther và Calvin, đều nhất luật theo Thiên-Chúa-giáo mà chẳng có đạo gì lộn vào. Lòng tin ngưỡng của nhân dân rất mạnh mẽ, từ lúc mới đẻ cho đến lúc chết, luôn luôn họ miệt mài và đạo. Phương chi Jeanne d'Arc sinh trưởng ở một xứ tỉnh người nóng nảy (phía đông nước Pháp) giàu tình cảm lại thêm riêng nặng về chủ nghĩa quốc gia. Chính nàng thường nói : « Khi nào tôi thấy máu một người Pháp chảy ra, thì máu trong tim tôi cũng chảy theo vậy ! » (Mon coeur saigne quand je vois couler le sang d'un Français !) — Lúc ấy khắp nước Pháp, đều bị quân Anh đánh phá, vua hèn, tướng nhát đành chịu bó tay chờ chết ở trong thành Orléans. Jeanne d'Arc nghe chuyện cha anh kể lại, tình yêu nước dấy động trong lòng, đêm ngày ngồi đứng không yên. Cái tình trạng tâm hồn bị rối loạn như thế, hợp với lòng tin đạo, trông mong ở một phép thần thông nào của Đức Chúa Trời, cô Jeanne làm gì mà không *tưởng*

thấy *tướng* nghe có thiên thần đến trao cho cái thiên chức đi phò vua cứu nước ? Sự *tướng* thấy ấy theo siêu hình học, gọi là « tự kỷ ám thị » nó vẫn thường xảy ra, chẳng có gì lạ hết.

Còn triệu mống vàng lúc đánh trận Waterloo.

— Cái triệu, một là lành, hai là dữ. Nó không thể vừa lành vừa dữ được. Vậy thì nếu đã lành thì sao nó chỉ lành cho quân Anh, mà không lành cho quân Pháp ? Nếu đã dữ sao nó lại dữ riêng với Napoléon mà không dữ với Wellington ? Chúng ta không có lý gì mà dám giành một hiện tượng vật lý trong vũ trụ mà bảo nó có ảnh hưởng riêng đối với ta. Quả đất ở giữa không gian vô biên vô tận, chỉ là một hạt bụi giữa bãi sông Hằng, hưởng hồ là một mạng người ở trên quả đất ? Tôi không biết — và cũng không cần biết — ngày vua Napoléon Bonaparte thua trận Waterloo, ở trên trời thật quả có mống vàng không ? Vì nếu có thật cũng thế thôi ! Nhưng tôi không thể nhịn cười được khi nghe những người bàn luận chung quanh những việc bất hạnh đã xảy tới cho những vị chúa tể hay có danh vọng lớn trên đời. Họ bảo : « Thảo nào ngày ấy trời mưa dầm dề thì phải lắm ! »

hay là « Hèn chi có tiếng sét hôm qua ! » v. v.... Tối hôm 31 Décembre 1933 là hôm báo « Phụ-nữ thời-đàm » số 16 ra đời (trong ấy có bài phản đối của ông Trần-trung-Viên) tôi thấy có ngôi sao băng trên trời, có phải là cái điềm ông Trần-trung-Viên mắc nạn, cái nạn làm trò cười cho thiên hạ đó chăng ? Tôi không dám tinh như thế !

Nhân nhắc đến trận Waterloo, tôi xin tiếp theo ông Viên mà kể một chuyện cũng dính líu về chuyện ấy để chứng cái chỗ hư vong của một đôi đoạn sử.

Buổi chiều hôm ấy (18 Juin 1815) bao nhiêu đạo binh của vua Napoléon đều bị quân Phổ và quân Anh đánh tan nát hết. Hoàng - đế nước Pháp chạy đã lâu rồi. Đến tắt mặt trời, giữa chiến trường chỉ còn lại một mình viên tướng Cambronne đốc xuất 20 tên lính tàn của đạo Đế-quốc Vệ-binh (Garde - Impériale) Quân Phổ và Anh vây bọc xung quanh, hạ lệnh bắt hàng đầu. Cambronne cả giận, chỉ mắng lại một tiếng rồi cứ đánh liều. Tiếng ấy là tiếng thô tục nhất trong ngôn ngữ, chỉ cái bộ phận hèn hạ trong người. Mà chỉ nhờ có tiếng ấy mà danh tiếng Cambronne được lấy lòng trong sử sách ! Đến cả những nhà

văn hào như Victor Hugo (Les Misérables) Erckmann-Chatrion (Waterloo) đều có nói đến và khâm phục cái khí - phách oanh - liệt của Cambronne. Có ai ngờ tiếng ấy Cambronne chẳng bao giờ nói ra mà chỉ là thiên hạ đặt bầy ra, thêm dặt thêm cho Cambronne như vậy thôi !

Ta nên biết rằng từ khi thuốc súng đã được phát minh ở trên mặt địa cầu này, thì sự chiến tranh không phải như ta tưởng lầm theo những trò đánh nhau trên sân khấu tuồng cổ đâu. Hai phe cừu địch gặp nhau thì bắn thì đâm, mau ai nấy được, chớ không có thì giờ đâu mà nói chọc tức nhau, mà bảo: « Này bảo cho: phải hạ mã lai hàng đi » để bên kia đáp lại: « Ủi chà chà ! Phiên tặc khi ngô thái thậm ». Không phải thế đâu, không ai đại gì mà không đánh trước, mà chỉ nói « bá láp » để người ta đánh cho hầu chết mới đánh lại sau (1).

(1) Xưa nay trong lịch sử thế giới họa chẳng chỉ có trận Fontenoy của quân Louis XV đánh nhau với quân Anh và Áo. Xáp mặt c'ch nhau chừng 50 bước, tướng Anh nói rằng: « xin mời các ngài bắn cho ». Tướng Pháp trả lời: « đâu dám lĩnh cái hân hạnh ấy ? xin mời các ngài bắn trước cho đã ! » Cả hàng tiên phong của đội quân Pháp đều bị hại về câu trả lời quý phái ấy. Lời tác-giả.

Mới rồi đây, nhân lật trong đồng sách cũ tình cờ tôi lại thấy một chỗ càng cho tôi chắc hơn nữa về chuyện đồn kia. Một nhà thi hào đồng thời với Cambronne, viết rằng « Miệng thể hay đặt bầy nhiều chữ tuyệt diệu dễ qui cho lắm nhân vật mà những người ấy rất hồ thẹn, hết sức chối thác như là biết mình không đáng hưởng danh dự to tát đường kia. . . Một vị nguyên soái Pháp chẳng dă cãi rằng mình không hề nói đến cái chữ ở giữa chiến trường Waterloo đó ư? cái chữ nhờ đó sau này tên ông ta thành bất tử » (Comme par plaisir, et pour se jouer de la postérité, la voix publique invente des mots sublimes pour les prêter, de leur vivant même et sous les yeux, à des personnages qui, tout confus, s'en excusent de leur mieux, comme ne méritant pas tant de gloire. . . . Un général français n'a t-il pas nié le mot du champ de bataille de Waterloo, qui l'immortalisera? Alfred de Vigny — « Réflexion sur la vérité dans l'art » — Tựa quyền Cinq Mars —).

Xem thế thì đủ biết rằng dù có đến một nước thượng trí như nước Pháp cũng không khỏi có điều thất thực trong sử sách, mà không phải vì thấy người ta văn minh tài giỏi mà

minh cứ nhắm mắt tin theo cả, mà không thêm suy nghiệm cho chín, cho sâu?

Trong cả hai bài « Tìm sự thực... » trước, tôi cốt nói chung về cái tệ hay tin liều này, chứ không có ý công kích riêng ông Trần-trung-Viên, có chăng chỉ vì ông đã cho tôi một bằng chứng rõ ràng là những chuyện hư ngụy trong bộ « Văn-Đàn bảo giám » Không ngờ bài ấy đã chẳng có chút ảnh hưởng nào hay tốt đối với ông Viên, mà chỉ tổ chức tức ông, để ông gieo cho chúng ta một tràng chuyện di đoan huyền hoặc nữa. Tuy rằng như thế không phải tội ở cả nơi tôi, nhưng cũng buồn, buồn vì phải dấn động một lần nữa đến một bức tuổi tác mình phải biết kính luôn luôn.

Nhưng....

Một bạn thanh-niên phê bình nhân vật (không phải ông Thiếu-Son) đã dám kết luận một câu về một nhà đại chí sĩ, nói rằng đã đến giờ hạ những cây cột mục xuống (1). Tôi rất không đồng ý, vì cây cột đã thật mục, thì tự nó trốc đi, mà không cần ai phải nhọc công hết thảy. Huống hồ ta phải xét cây cột ấy là gỗ gì và xưa

(1) Ấy là ông Hải-Triều nói về ông Huỳnh-thúc-Kháng. (Lời xuất bản giả).

rày đã chống đỡ nhà cửa cho ta ra thế nào đã.

Nhưng đến cây cột đã mục, mà chỉ là gỗ tạp, lại không yên phận mục, còn ba hoa mọc nấm sinh rêu để những người nhẹ dạ ăn phải mà bị độc, thì không chặt bỏ xuống còn để làm gì ?

1933.

MỘT LỐI GIẢ DỐI CỦA NHÀ NHO « VĂN THƠ KHÀU-KHÍ. »

BÁO Nhật-Tân số 75, ra ngày 16 Janvier 1935, có bài « Thơ và người » của ông Nguyễn-triệu-Luật, đoạn đầu đại ý ngờ ở lời nói của Buffon (Văn tức là người). Ông nói: « Tôi ngờ vì tôi thấy nhiều người, thơ làm rất khăng khải, mà sự thật thì người ấy lại nhút nhát khả dĩ; nhiều người làm thơ rất buồn bã mà sự thật lại là người rất vui vẻ, cả đời chỉ thích cuộc vui suốt sáng traten cười thâu đêm.

« Người làm câu văn « Lãng-miếu quần công, tục xuất Bình ngô chi cáo » (chỗn lãng-miếu ra bài bình-ngô) mà nay làm quan, ngồi đầu cũng hết tán dương quan Thượng này đến tâng bốc quan Thiệu kia, thì còn ai ngờ? Người nề vẽ câu đối « Đại ngô th

văn cận tự chung » (mỗi khi nghe chuông chùa bên cạnh, tỉnh ngộ lớn ngay) ở cổng, mà đến cho vay lãi tám phân, tỉnh róc từng ngày, sau cuộc binh loạn ba mươi năm, vét của bọn cùng dân được cái vốn hàng chục vạn, thì còn có ai ngờ?... »)

Tôi đang soạn quyển sách « Phê bình văn-chương và thân-thể Trần-tế-Xương » có đoạn nói về lối văn Khẩu khí của các nhà nho, mà tôi cho là một lối nói khoác, xét ra có lẽ đồng một ý với ông Luật. Nay lại thấy ông này cho hay rằng ông sẽ có bài nói về « Lối văn nói khoác của nhà nho » ở kỳ sắp tới của báo Nhật-tân, tôi vội vàng lục đăng đoạn văn của tôi đã nói trên. Nếu như tư tưởng ở hai bài quả thực giống nhau, đó cũng là một cách cống hiến cho bạn đọc cái vui được thấy một sự gặp gỡ tư-tưởng ít có.

* * *

Các nhà văn-hào ta xưa hay bắt chước nhau làm một thể thơ gọi là thơ khẩu khí, nghĩa là trong ấy hơi văn, lời nói tỏ rằng tác-giả có khí tượng lớn lao. Đến phải vịnh một vật gì, dù là vật đê-tiện tồi tàn, họ cũng cố tìm những câu bóng bẩy cao xa, làm thế nào cho vật ấy hóa ra uy linh, cao

quí. Nhân thế, bọn văn-nhận xưa có cách phê-bình rất hàm hồ vô lý: chỉ nghe giọng văn, họ tự phụ đoán biết tương lai, số mệnh người làm ra văn.

Người ta biết ông Cao-bá-Quát bị chết chém. Thế là những việc ông ta làm khi còn học trò hay là khi đã làm quan ở Triều-Đình Huế, nhất nhất đều bị họ dẫn cho cái nghĩa làm giặc. Sau khi ông vào ông Cao-bá-Đạt chia nhau đổ dầu vào thứ nhì khoa thi hương năm 1831, vua Minh-Mạng có ra một câu đối :

— *Nhất bào song sinh, nan vi huynh, nan
vi đệ,*

Ông Quát ứng khẩu đối :

— *Thiên tài nhất ngộ, hữu thị quân, hữu
thị thần.*

« Các quan trong triều đều bằng vào cái khẩu khí ở trên mà đoán trước rằng sau này ông sẽ là một tay đao dề ». Hay ít ra ông Nguyễn-tường-Phượng, khảo cử thấy vậy, rồi diễn-thuyết ở Hanoi, ông lại nói như vậy. Phần tôi, trong vế đối ấy, tôi không thấy chỗ nào là có « khẩu khí » tỏ ra « một tay đao-dề cả. Trái lại, tôi tưởng rằng đó là một lối nịnh hót rất khôn khéo, rất thần-tinh, rất « mẫn-tiếp », tỏ ý muốn làm đẹp lòng vua, chẳng khác nào những câu nịnh hót của

những cận-thần triều vua Louis XIV nước Pháp.

Bằng chứng ở chỗ ông Quát sửa câu đối ở điện Thái-Hóa :

« Tũ năng thừa phụ-nghiep

« Thần khả báo quân ân.

mà ông đổi làm :

« Quân-ân, thần khả báo,

« Phụ-nghiep tử năng thừa.

thì ông rõ là một người hết sức giữ gìn thượng hạ tôn-ti, yêu trật-tự, kính trọng lễ cũ lối xưa, nhất thiết trung-thành với chánh-thề quân-chủ, đâu là khẩu-khi của một kẻ phản nghịch triều-đình ?

Cập kỳ ông giấy loạn bị bắt, nhốt trong cũi, ông có ngâm hai câu :

« Một tấm ván lim ngồi thế ĐẾ,

« Hai vòng xiềng sắt đứng thời VƯƠNG.

Hai câu ấy, tôi đố ai dám khen là có cái khẩu-khi đế-vương, tuy ai cũng đã thấy rõ ràng những ĐẾ cùng VƯƠNG cả đấy ? Vì sao ? Là vì, ai cũng biết rằng chỉ mấy phút sau là ông ta đã bị « Một lát gươm đưa bỏ mẹ đời.»

Xem thế đủ biết lối phê bình phán-đoán của bọn hủ-nho chẳng ăn thua vào đâu cả.

Lại như hai câu người ta bảo của Lý-công-

Uần đã ứng-khầu, khi còn nhỏ, bị thầy học trói co chân suốt đêm để phạt tội lười :

« Dạ thâm bất cảm tràng thân túc,

« Chỉ khủng sơn hà xã tắc diên.

(Đêm khuya không dám ngay chân duỗi.

« Chỉ sợ sơn hà xã tắc xiêu) !

Ở đây người ta lại quả quyết là giọng văn có khí tượng đế-vương ! Kề cũng không lạ, vì người ta biết nhà Lý đã lên ngôi Nam-đế. Nếu Lý-công-Uần chỉ là một anh sãi nổi-nghiep thầy Vạn-Hạnh, hẳn không ai đếm xỉa đến câu ấy làm gì, hoặc không bao giờ có câu ấy nữa. Nhưng ở chỗ này ta không cần biết câu chuyện khấu khí ấy thực hay hư. Ta chỉ hỏi : gọi là khấu khí thì khấu khí ở chỗ nào ? Sơn hà xã tắc là cái gì ở đây mà sợ ruỗi chân nó xiêu đi ? Ở trong một phòng học, bắt quá chiếc ghế, bộ ngựa, cái yên, mấy chõng sách là cùng. Hơn nữa, nói cho hết lý, giá sử trò Uần lười kia bị buộc gần một non bộ, có đủ núi đủ sông, nhưng những vật ấy sao dám gọi là xã-tắc ?

Nếu cứ thế mà gọi là khấu khí, thì anh hay tôi đều có thể nói ngàn vạn cái khấu. khí hơn.

Trên kia là chuyện khấu-khí đế-vương.

Bây giờ lại có thứ khẩu khí khiêm-tốn thực thà hơn : người làm thơ chỉ mong giựt lấy chiếc bằng hương-cống (Cử-nhân) còn con, làm một viên quan nho nhỏ, rồi dần dần nhờ thời-gian, nhờ vận đỏ, lên đến chức trọng quyền cao. Vịnh bài thơ « Mèo bắt chuột » anh ta nói :

« *Chi quyết phen này vồ lấy cống,*

« *Rồi lên đài-các sẽ ngêu ngao :*

Những chín mười phần trăm thơ khẩu-khí đều thỏ lộ ra giọng một bức trung thân, suốt đời chỉ mong đem tài thao lược, báo đền ơn vua nợ nước, và không quản gì đến lao khổ gian nan. Cho dầu chỉ tả một con chó đá, thi-nhân cũng cố nặn sao cho ra khí-tượng một ông quan giốc lòng thờ chúa ! Ta xem đây :

« *Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,*

« *Cửa nghiêm chêm-chêm một mình ngồi,*

« *Quản bao sương tuyết chi nào kể.*

« *Khéo giữ cao lương cũng chẳng nài,*

« *Mặc khách thị-phi dương mắt tráo.*

« *Những lời trần tục biếng vào tai,*

« *Một lòng thờ chúa nghìn cân nặng,*

« *Bền vững ai lay cũng chẳng rời !*

Các bạn có biết sao vậy không ? Những bài thơ ấy đích là của mấy anh đồ kiết

xác riêng mình đã không có tư tưởng tự-do cao-thượng, lại sống vào một thời-đại quân chủ chuyên chế, phi cái cách xu nịnh Chính-phủ đương thời, thì khó mong chen chân vào trường danh-lợi. Mà cái nguyện-vọng duy-nhất của kẻ nho-sĩ là làm một ông quan. Cho nên trước khi làm được, họ đua nhau làm thơ khẩu khí để có dịp phớt gan trái mật cho người ta biết, để rao to cả bốn phương trời là mình một lòng trung thành bình sinh quyết chỉ giúp nước phò vua.

Sự nịnh hót vô cơ ấy đã thành một cái lệ, một cái tục. Trong khoa cử, như về môn kinh nghĩa chẳng hạn, bất luận đầu đề ra thế nào, cho dầu sau muốn nói trời nói đất gì gì, văn bài của học trò trước hết phải khơi mào bằng những lời khen ngợi triều vua hiện tại mà bao giờ cũng cho là thịnh trị, thái-bình. Cũng như các vè, các chuyện, đoạn đầu phai để dành cho việc tán tụng nhà vua.

Tôi lại nhớ đến lối hát tuồng cổ của ta, trong ấy các tài tử mỗi khi ra giữa sân khấu, hát đến chữ gì dính dáng về vua chúa thì phải chấp hai tay đưa ngang mày, tỏ ý sùng-thượng kính cẩn, thậm chí nói đến những tiếng như Hoàng - gia, Trào

ca, Nhà-vàng, Bệ-ngọc v. v. họ đều chấp tay đưa lên cả.

Nay hãy nhắc lại mấy nhà thi-sĩ có tiếng xưa kia, như Lê-thánh-Tôn chẳng hạn: Ông này đã nổi tiếng thơ hay vì những khí-tượng đế-vương, dài-các. Những tiếng ấy tôi tưởng là lạm hưởng mà thôi, vì các lỗi khẩu khí như trên đã giải, đã là những điều vứt bỏ đi thì còn gì trong thi - văn Hồng-Đức nữa?

Ta thử lấy vài câu trong bài vịnh «Bồ-nhìn». Sau khi mở đầu bằng một giọng điệu vũ dương uy, một câu xưng của anh tướng phiên hay kếp núi trong tường cổ : *quyền trọng ra uy trấn cõi bờ ; Vốn lòng vì nước há vì dưng?* tác-giả tả hình dung nói rõ tài tiêu-trừ muông chim, tính khinh thị người gọi chẳng thêm thừa (gọi cái bồ nhìn mà nó thừa được, họa chẳng có tác-giả mang áo toại, đội nón thân hành ra đứng làm cái bồ nhìn!) rồi tác-giả kết luận:

«Mặc ai nhầy nhót đường danh lợi

«Ơn nước dầm đĩa hạt móc mưa»

Thật là sáo! Sáo đặc!...

Còn như tả một thẳng ăn mây mà làm nó thành ra một nhà triệu phú, ngao du khắp thiên hạ để thưởng ngoạn phong cảnh,

ra một người mà về cảnh ngộ địa vị, ai cũng chỉ mong được như thế là cùng, thì còn chân-lý ở đâu? còn nhân-đạo ở đâu nữa? Lê-thánh-Tồn há lại ác nghiệt, tàn bạo đến thế ư?

Tôi không quá lời. Ta xem đây:

« Chẳng phải ăn đông, chẳng phải vay,

Lộc trời để lại được ăn mày (!)

Hạt châu chứa cất trao ngang miệng,

Bệ ngọc tôi từng đứng chấp tay.

Nam, bắc, đông, tây đều đến cửa,

Trẻ, già, trai, gái cũng kiêng thầy.

Đến đâu sẵn có lâu đài đấy,

Thu cả càn-khôn một túi đầy!

Phong lưu tài đảm như vậy thì không hiểu cái anh dân nước Tề trong sách Mạnh-Tử kia diên gì lại không chịu thú quách với hai chị vợ rằng mình làm « được đến ăn mày », chẳng oai hơn là cứ hăng ngày sách bị đi xin, tối về nói dối là đi thăm ông Cống nọ, ăn ở nhà ông Khanh kia cho hèn chức phận mình đi?

Nếu ta đem bài thơ ấy đọc cho bọn ăn mày nghe, phỏng như hiểu được họ không khỏi mừng cho. Họ sẽ gán cổ bảo:

— Các ông xem, chúng tôi suốt đời không được ăn một bữa no, trời rét lạnh đứt

ruột nằm ở đầu đường xó chợ, Nam, bắc, đông, tây đi mòn chân mỗi gỏi, chỉ đề xin lấy miếng cháo thừa, manh giẻ rách. Trẻ già, trai, gái có kiêng chỉ vì họ gớm, họ rầy ruồng, họ coi chúng tôi như những tên phong, tên hủi; họ sợ thối, sợ tanh. Hay là họ sợ ăn trộm mất của họ đi. Các ông giàu sang ở trong cửa kín, nhà cao, đã hết thức chơi đầu mà đem chúng tôi ra nhạo báng làm trò cười ? »

Nếu trong cả nước, ai nấy bỏ địa vị mình để giành cho kỳ được cái địa vị sang-trọng đáng ganh của người ăn mày mà Lê-thánh-Tôn đã tả, thì không biết ông sẽ là ông vua gì trong cái giang sơn hiền hách của vị anh-hùng đất Lam-sơn đã để lại cho ?

Nói tóm lại lối văn khẫu khí là một lối văn giả dối, và người làm ra nó đã lợi-dụng một đời ngu-độn khờ-khạo, lường gạt để lòn bằng những cái trá ngụy, để người ta phải kiêng nể mình, kính trọng mình, khi nghĩ đến địa vị, đến cảnh-ngộ bóng lờng bịa đặt sau này của mình ! Lối văn khẫu khí che lấp sự thực, bôi nhọ chân lý một cách xác-xược, tàn bạo, cầu hạnh

**Một vụ án Văn-Chương đã kết liễu
Hãy trả cho César cái sở-hữu của César**

**VUA DUY-TÂN VÀ BÀI CA
« TRÊN SÔNG HƯƠNG »**

I

CÒN nhớ độ nào, ở trên tờ báo quá cổ Đông-Tây, cô bạn đồng-nghiep quá dễ yêu của tôi là Lệ-chi quả quyết cho bài thi chữ tây nhan đề : Sur le Fleuve des Parfums + Nocturne, đăng trong tạp-chí của hội Đồ Thành Hiếu Cổ năm 1916 trang 41-42, chính là tự tay vua Duy-Tân viết ra. Hơn thế nữa, Lệ-Chi lại mở một cuộc thi dịch bài ấy ra quốc-âm. Giải thưởng nhất — tôi không nhớ — không biết phải về tay Lệ-Chi không, dầu sao bản dịch của Lệ-Chi cũng tả được tất cả cái âm-diệu náo nức của nguyên-văn. Các bạn hãy nghe đây .

Sur le fleuve des Parfums (Nocturne)

*Du soir la tiédeur alanguie
Berce mon âme en sa douleur
Du fleuve la course alentie
Berce la barque avec douceur*

*La barque obéit endormie.
Aux coups réguliers du rameur ;
Mon âme tressaille, meurtrie
Aux coups de la vie dans mon cœur.*

*Et mon âme vogue, alanguie,
Au rythme alenti de mon cœur ;
Et la barque vogue, alentie
Au rythme alangui du rameur*

*La lune paraît, très pâlie
Dans sa maladie de langueur
Et répand sa mélancolie
Sur la nature et dans mon cœur*

*Mon âme en sa mélancolie
Berce doucement sa douleur
La barque en sa course alentie
Berce mon âme en sa langueur*

Bản dịch của LỆ-CHI

Hơi gió hiu hiu của ban đêm
 Ru hồn ta trong cơn tê-tái
 Nước sông Hương lặng lẽ êm-dềm
 Ru chiếc thuyền ta trôi êm ái

Thuyền ta thiu thiu ngủ lênh đênh
 Theo dịp mái chèo bơi êm ái,
 Tâm hồn ta rầu rĩ buồn tênh,
 Theo cơn sóng trần duyên tê tái.

Hồn ta bơi lướt qua, buồn tênh,
 Trên lớp sóng trần-duyên tê tái
 Thuyền ta bơi lướt qua, lênh đênh,
 Theo dịp mái chèo bơi êm ái v. v . . .

Trăng soi trên đỉnh núi đầu ghềnh,
 Nhọt như vết thương lòng tê tái
 Và trong cõi lòng ta mộng mênh,
 Trăng rủ một cơn buồn êm ái.

Tâm hồn ta rên rĩ buồn tênh
 Ru vết thương lòng ta êm ái
 Thuyền ta trên mặt nước lênh đênh
 Ru tâm hồn ta thêm tê tái.

Dịch mà không bỏ mất cái tinh cách cốt yếu của nguyên-văn như thế, kẻ cũng đã là hay. Nếu vua Duy-Tân là tác giả chính thức của bài chữ Pháp, và nếu bản dịch của Lệ-Chi được lọt vào mắt người, hẳn người cũng phải nhận Lệ-Chi là bạn tri-âm.

Sự qui quyền tác giả bài thi ấy cho vua Duy-Tân trước Lệ-Chi, tôi nghe cũng đã nhiều, mà chắc các bạn cũng thế. Các báo Patrie annamite, Nouvelle Revue Indochinoise, Le Cygne và nhiều báo quốc-văn khác nữa, mà tôi không nhớ được hết tên, đều tin chắc như thế cả. Chính ở ngay tủ sách tôi, trong quyển tạp chí đã nói trên, một bản tay vô danh nào, khi mượn sách, đã đề dưới ba chữ ký tắt F. G H. của tác giả, mấy chữ bằng bút chì : « Ex-empereur Duy-Tân »

Trong một số mới rồi đây, bạn đồng nghiệp Khuyến-Học ở Hanoi, in ảnh vua Duy Tân, cũng có đăng kèm theo bài thi chữ Pháp, thêm bản dịch của Lệ-Chi.

Trước khi tin theo, ta hãy xét có nên tin không đã.

Bài thi ấy đăng lên vào năm 1916. Như thế, ít ra cũng phải làm trong năm ấy, 1916, chứ nó có thể làm một vài năm trước, ít ra là lúc vua Duy Tân « ngài còn

ở ngôi». Năm 1916, vua chưa đầy 16 tuổi.

Không bàn đến ý nghĩa hay dở của bài thi, một cậu bé thường dân người Pháp, từ thửa mới học a, b cho đến mười lăm, mười sáu tuổi chỉ chuyên học mỗi một món tiếng mẹ đẻ mình, vì tất đã làm nổi một bài thi như thế.

Phương chi, đây là một trường hợp tối ư đặc biệt: cậu bé ấy là một người Việt-Nam; người Việt-Nam ấy lại là một vị hoàng đế. Thì ngoài sự vui chơi tiêu khiển là cái quyền của tuổi trẻ, của nhà quý-phái, một vị hoàng-tử thất học như Vĩnh-San, bỗng nhiên nhẩy lên cái địa vị tối trọng làm chủ-tể một đế-quốc, còn phải học ăn, học nói, học gói, học mở, tóm lại, học muôn vạn cái phiền-phức nó đã gồm cái nền lễ-giáo cũ của nước nhà. Người còn phải học tiếng mẹ đẻ, hồi bấy giờ cũng chưa được thông dụng, học chữ Nho, học chữ Pháp, hai thứ chữ cần cho nghề làm vua, hơn cho các nghề khác nữa!

Năm 1912, ông Hàn-lâm văn-chương Eugène Briéux thuật chuyện lại trong quyển Ký-sự « Voyages en Indochine — Simples notes d'un touriste » rằng thấy thương hại quá, ông đã muốn kêu lên: « Thôi được rồi!

Bây giờ cho cậu ra sân chơi ! Chớ ngoan !»

Ấy đấy, cậu học trò tội nghiệp ấy mà ba năm sau người ta bảo đã làm thi tả sự chán nản của cuộc đời mà tình thật cậu chỉ thấp thoáng thấy được một góc, giữa bốn bức thành cao : một mảnh trời trông từ đáy giếng !

Sự chán nản của cả một cuộc đời tẻ tái.

Sự chán nản của cả một tâm hồn, một quả tim thất-vọng, như đến không thể tin một việc gì ở trên quả đất này !

Ấy, những cái ấy mà người ta đem qui cả cho một cậu bé ngây thơ, vô tội, ai bảo làm gì cũng nghe, cũng tin, tin đến cả anh chàng câu ếch mà một buổi chiều điu hiu buồn tẻ kia đã đem lại cho cậu !...

Chúng ta có nhiều tự-ái quá, đến mù cả mắt, đến điếc cả tai.

Chúng ta nghe cái gì có thể làm thỏa lòng tự ái của ta, là tin ngay, không thêm suy nghĩ gì nữa !

Ai hơi đâu mà nghĩ đến lý này lẽ nọ ? Ai nhọc công mà tìm cho ra sự thật làm gì ? Có cái việc dễ dàng này mà cả bạn đồng-nghiep Khuyến-Học, cả Lệ-Chi, không ai chịu làm : ấy là gửi cho ông chủ-bút tạp-chí Đô-Thành Hiếu-Cồ ở Huế vài hàng

đề hỏi thực hư. Chắc thế nào người ta cũng sẽ sốt sắn mà trả lời cho mình tương tự như thế này : « Phúc đáp thơ ngài đề ngày mấy đó, tôi xin tin ngài hay rằng sự bí mật nhà nghề không cho tôi nói lộ tác giả bài « Trên sông Hương » đăng trong bản chí số ấy, trang ấy, năm ấy. Dẫu sao, tôi có thể quả quyết với ngài rằng bài ấy không phải là của đức Phế đế Duy Tân. Kính chúc ngài v.v... »

Thế là đủ cho ta rồi, ta cần gì nữa. Các bạn thử nghĩ xem !

(« Sông-Hương » - 1936)

II

(Trích dịch bức thư của bác-sĩ R. Guy-Issartier đăng trong tờ Đông Dương Tân-Tạp-Chí « La Nouvelle Revue Indochinoise » số đặc biệt Avril-Mai 1937, trang 173 .

«

« Tình bằng hữu và lòng lo giữ sự thực khiến tôi phải mách cùng quý báo một điều lầm lạc vô ý của quý báo trong số tháng mars vừa rồi, ở trang 89. Bài thi nhận là của Phế-đế Duy-Tân không phải của người làm, mà chính là của ông Henri Guibier, một nhà thi-sĩ âm-nhạc, giám đốc

sở Lâm-Chánh Trung Kỳ, hiện ở Huế.

« Bài thi ấy đã đăng trong tạp-chí hội Đô-Thành Hiếu Cổ, số đặc biệt « Huế đẹp » trang 41, năm 1916, dưới cái nhan đề : « Dạ Diệu ».

« Lần này là lần thứ hai mà người ta qui cho người Annam những bài thi không phải của họ làm ra.

« Chẳng phải đã có lúc người ta in thơ của Théophile Gautier mà ký tên một người An-nam đó ư? Cái phận sự tờ Đông-dương Tân tạp-chí là không noi theo những gương như thế.

« Sự đó cũng chẳng làm giảm bớt cái danh vọng của đức Duy Tân, người vẫn là một bậc văn-hào, và một nhà nghệ-thuật có tài...

.

« Dr. R. Guy-Issartier »

III

(Dịch bức thư của cha P. Cadière, chủ-bút tạp-chí Đô-Thành Hiếu-Cổ gửi cho ông Hội-trưởng hội Đô-Thành Hiếu-Cổ ở Huế, đề chuyển giao cho Trần-thanh-Mại).

(Cửa Tùng ngày 7 Mai 1937).

« Kính ông Hội-trưởng.

« Đáp bức thư ngày 27 Avril 1936 của ông Guibier đã gửi cho ngài, tôi xin tin ngài hay rằng trước kia ông Trần - thanh - Mai, trong hai bức thư ngày 4 Juillet và 5 Aout 1936 đã có yêu cầu tôi nói cho ông ấy biết rõ cái tên thực của tác giả bài ca nhan đề là « *Sur la Rivière des Parfums* » đăng trong tạp-chí Đố-Thành Hiếu-Cổ và ký là F. G. H.

« Tôi có trả lời cho ông ấy, do thư viết ngày 7 Aout 1936, rằng sự bí mật nhà nghề buộc tôi không được thổ lộ cái tên tác-giả bài thơ ấy, nhưng mà tôi có thể tin chắc cho ông ta là không phải đức phế đế Duy-Tân.

« Ngày nay, như ông Guibier đã gở cho tôi sự bó buộc của bí mật nhà nghề, thì tôi lại lấy làm một phận sự mà tuyên bố rằng tác-giả bài thi đã nói trên và khởi đầu bằng mấy chữ: « *Du soir la tiédeur alanguie . . .* », đăng trong tạp chí Đố-Thành Hiếu-Cổ số 2, năm thứ ba Avril - Juin 1936, trang 157, 158, chính là của ông Guibier, thừa ấy cũng như bây giờ, vẫn làm giám - đốc sở Lâm-chánh Trung-Kỳ.

« Tôi lại nói thêm rằng bài thi nhan đề là « *L'immuable Huế — Arabesques* » cũng đăng trong một số ấy, trang 211-213, và ký là L. N. là của bà Guibier.

« Tôi xin đề ngài được trọn quyền áp dụng lời tuyên-bố này vào bất kỳ việc gì ngài muốn, và như ngài cho làm thế là phải, đề bắt hai tờ « *Việt - Nam Tờ-quốc* » và « *Đông-Dương Tân - Tạp - chí* » phải cải chánh sự lầm của họ, vì họ đã cho rằng bài đầu trong hai bài ấy là của đức phế-đế Duy-Tân.

Kính chúc ngài... v. v.

Ký tên : CADIÈRE

Chủ bút tạp chí Đô-Thành Hiếu-Cồ
về năm 1916 và năm 1937.

IV

(Trích dịch bức thư của ông Henri Guibier trả lời cho Trần - thanh - Mai ngày 26 Juillet 1937)

« Bài thơ ấy tôi làm không có ý định trước. Cái ngày nó tự thấy đủ sức ra đời thì nó ra, thế thôi. Nhân tôi có đưa bài ấy cho cha Cadière xem, gặp thuở ấy, hội Đô-Thành Hiếu-Cồ đang sửa soạn xuất bản một số đặc biệt « *Huế Đẹp* » cha Cadière

bèn cho đăng vào. Về sau, tôi lại còn lấy bài ấy soạn thành bản âm-nhạc nữa. Nếu như tôi không phản đối việc qui cho vua Duy-Tân, là tác-giả bài thì « Nocturne » chỉ là vì tôi cho việc ấy nó buồn cười quá ! Bây giờ, khi người ta đã biết nó là của tôi, thì có lẽ « cái tác-phẩm tuyệt tác ấy » đã không còn ra gì nữa. Nhưng cái ấy cũng chẳng quan-hệ gì !

« Xin chúc ông V.V... »

* * *

Xét trong văn học-sử, những chuyện lấy của người làm của mình, như thế không phải là ít. Ai không còn nhớ chuyện ông Trạng Mạc-Đĩnh-Chi đi sứ Tàu, được người ta ủy cho việc đọc văn-tế mà trong ấy có mỗi một chữ nhất ? Thế đấy mà cứ dày công tra cứu cho kỹ hơn chút nữa thì thấy rằng chuyện ấy đã có sẵn trong sách Tàu. Sách chép những hai chuyện giống hệt như thế, chứ không phải một nữa. Chuyện thì chép tên Vương - Thập-Bảng tế vợ » (kinh xoa Ký - truyện - kỳ) chuyện thì cho là sứ giả Bắc Triều Dương Đại-Niên đọc trước linh cửu bà Chương-Hiến Thái-Hậu (Thị-nhi-Biên) ; tựu trung

cũng là quây quần chung quanh mấy câu này, ở mỗi chỗ có thấy đôi một vài chữ :

Thanh thiên nhất đóa vân

Hồng lô nhất điểm tuyết

Ngọc uyển nhất chi hoa

Dao tri nhất phiến nguyệt.

Còn biết bao nhiêu chuyện nhìn lăm như thế nữa ? Biết bao nhiêu vụ ăn trộm như thế ? Ngòi bút của tôi, thẹn thùng quá, không thể đẩy đi xa hơn nữa. Ta chỉ nên nhớ rằng không bao giờ ta tin được một việc mà lý trí không thể công-nhận mà hoàn cảnh không thể dung nạp, cho dầu việc ấy làm thỏa thích tấm lòng tự-ái của ta, cho dầu nó vẫn cho ta một cái cơ đề mà tự cao tự đại. Ta phải hiểu tất cả cái khinh - thị của nhà thi-sĩ Henri Guibier, nó to lớn đến chừng nào, đến nỗi trong hơn hai mươi năm trời ông ta không thềm hé môi mà cái chánh lấy nửa lời : « Tôi không phản-đối là vì tôi cho cái việc ấy nó buồn cười quá ! » Tôi thì tôi chả thấy buồn cười tí nào hết ! Trái lại thế !

*(Saigon tiểu thuyết số 1
ngày 21 Aout 1937)*

**Phụ vào vụ án Duy-Tân, vụ án đã làm
sôi nổi dư-luận Văn-Học giới Việt-Nam**

HAI BỨC THƠ, HAI TÀI LIỆU

**của Thanh-Tịnh và Trần-Thanh-Mại Báo Ma' và
Báo Phổ-Thông thiêu thật thà trong Văn-Chương**

I

CHÚNG tôi có cần phải nhắc lại không ?
Có cần phải nhắc lại rằng vì muốn
cắt một gánh nặng cho phế-đế Duy-
Tân và Văn-Học-Sử Việt Nam, ông Trần-
Thanh-Mại đã giúp Saigon tuần Báo tìm ra
tác-giả bài « Nocturne » ?

Có những người suốt năm không hề viết.
Nhưng hề viết ra một bài là bắt thiên-hạ
phải chú ý. Ông Trần-Thanh-Mại người có
lỗi văn danh thép thuộc vào hạng người ấy.

Bị ném ra giữa làng văn lúc cho đăng
bài : « Tìm sự thực trước khi viết bộ Việt-
Nam văn-học-sử » ở báo Phụ-nữ Tân-văn

vào năm 1933, Trần-quân có cái hân-hạnh độc nhất là được cụ Huỳnh-thúc-Kháng đặt cho lên đầu một áng « hào-quang danh-vọng ». Rồi không kèn, không trống, Trần-quân đưa ra một quyển sách phê-bình có giá-trị : « Trông giòng sông Vị ». Và lần này thì ông đã đánh đổ được cả dư-luận về bài thơ nhìn lạm « Sur le fleuve des Parfums. »

Theo như chúng tôi biết thì đã gần một năm nay ông Trần-Thanh-Mại đeo đuổi công việc tìm tòi ấy. Cái sức chịu khó và đức nhận nại của ông ta, nhiều bạn trong làng văn đã từng nói đến. Vậy ngoài ra những thư gửi đi của ông Trần-Thanh-Mại và những bức thư trả lời của quý ông có can hệ trong vụ án này, chúng tôi xin phụ vào hai bức thư sau đây, gọi là chút tài liệu mọn hèn dâng lên đài văn học. Hai bức thư ấy, một là của ông Trần-Thanh-Tĩnh ở hội Đô-Thành Hiếu Cổ và là nhà bình-bút rất đặc-lực của báo Ngày - Nay, một nửa là của Trần-quân trả lời. Hai bức thư ấy đều có tính cách công khai.

Hiện dưới mắt chúng tôi đương có hai nguyên bản, mà không biết một sự tình cớ nào đã bắt lọt vào tay của chúng tôi vậy.

II

(Bức thư của ông Trần-thanh-Tĩnh ở tạp chí Đô-Thành Hiếu Cổ gửi cho ông Trần-Thanh-Mại, ngày 28 Septembre 1936)

« Nhân đọc bài : « Vua Duy-Tân với bài thi trên Sông Hương » anh đã đăng trên tờ Sông-Hương số 6, tôi thấy đoạn chép của Lê-Chi có hơi lầm.

Sự lầm của Lê-Chi vô tình đã kéo thêm sự lầm của anh, Nhất là sự lầm sau này làm cho tôi đề ý và gửi anh phong thư này :

Một nhà khảo-cổ cần phải trọng sự thật, dầu sự thật ấy có vẻ tỉ-mỉ hay không cần ích lắm. Vậy mong anh biết cho và không bảo tôi là gàn khó chịu.

1.) Nhan đề bài thi chữ tây (mà ta lầm tưởng của vua Duy-Tân làm ra) là « Sur le fleuve des Parfums — Nocturne ».

2.) Bài thi ấy ở trên hai trang 157 — 158 chứ không phải 41-42.

3.) Dưới bài thi ấy đã ký F. G. H. lẽ tự nhiên là của một người Pháp nào làm rồi, chứ không thể quả quyết (như Lê-Chi) của vua Duy-Tân làm được.

Muốn biết F. G. H. là ai thì thật là một việc rất khó, nhưng không phải không thể

tìm ra được.

Mưu mẹo và thi giờ sẽ là hai phương-pháp giúp tôi tìm ra tên thật tác giả bài thi chữ láy ấy sau này.

Vậy lúc nào tôi biết được sẽ tin đề anh hay.

Thôi chào anh.

THANH-TỊNH.

III

(Bức thư của ông Trần-thanh-Mại đáp lại)

Huế, ngày 3 Octobre 1936

Anh Thanh-Tĩnh

Được thơ anh tỏ bày về bài « Vua Duy-Tân và bài thơ Trên sông Hương » của tôi đăng trên tờ Sông-Hương số 6, tôi rất cảm tạ anh về tấm thịnh tình anh đối với tôi và tấm lòng nhiệt thành mà anh đề vào các vấn-đề văn học.

Theo chỗ tôi biết, ở xứ ta, một người thơ phụng sự thật và chịu thương chịu khó như anh thật ít có.

Về chữ Rivière tôi xin chịu là lầm. Nếu cái lầm ấy, của tôi, mà có vẻ quan trọng hơn thì tôi lập tức xin tuyên bố lên mặt báo cho cả toàn thể độc giả cùng biết để

khôi phục lại chân lý đã vì tôi mà sai lạc. Nhưng tôi thiết tưởng cái đầu đề « *Sur le fleuve des parfums* » ấy là đầu đề đệm của bộ biên tập tạp chí, chứ tác - giả thì chỉ đề một đầu đề « *Nocturne* » mà thôi. *Nocturne* đây không có nghĩa là « thuộc về ban đêm » Nó là tiếng linh từ chỉ một loại thi ca, có tính cách nhẹ nhàng, buồn bã, cũng như ta làm một bài ca mà ở trên ta đề: Nam ai, hay Nam bằng, hay Vọng cồ, thế thôi. Vả thường người ta hay nói, « *La Rivière des Parfums* », thành thử khi viết mau tôi theo thói quen mà quên đề ý đến chỗ đó.

Về số trang 157-158 theo anh đã nói, thì hiện bây giờ tôi vẫn còn ngờ không biết anh lầm hay là tôi lầm. Hay là cả đôi ta cùng đúng? Vì tôi đã lật lại quyển Tạp-chí Đô-Thành Hiếu-Cồ của tôi, bài thơ vẫn còn nằm ở trang 41-42 đúng ở chỗ trước kia tôi đã thấy nó. Xin nói thêm rằng số tạp-chí của tôi là một số đặc biệt nói riêng về Huế, nhan đề là « *Huế pittoresque* ».

Sau cùng về ba chữ F. G. H. anh quá quả quyết đó là chữ ký của một người Pháp. Sao vậy? Có lẽ anh cho nó là ba chữ cái đứng đầu tên như *François-Georges-Huron*

chẳng hạn? Anh không nhìn thấy nó liên tiếp nhau theo thứ tự A, B, C, như X, Y, Z hay O, P, Q, đấy sao, nghĩa là nó có thể là những chữ ta đặt khống ra lắm, nó có thể không liên lạc gì với tên thật của tác-giả lắm. Ta cũng không nên vì những chữ cái đặc biệt «lây» ấy mà quả quyết rằng tác-giả chính thực là một người tây.

Dẫu sao tôi cũng xin có lời tán phúc anh vì cái nhiệt tâm anh đã đề trong sự suy cầu chân-lý và một lần nữa xin cảm ơn anh về cái hảo ý anh muốn giúp tôi.

Kính thư.

Trần-thanh-Mại

IV

Hai bức thư trên này chúng tôi xin đề quyền phẩm bình lại cho bạn đọc. Dầu bức thư của ông Thanh-Tĩnh có chân thật hiền lành hay bức thư của ông Trần-thanh-Mại có khiếm tổn nhĩ nhận cái đó chúng tôi không có quyền nói đến. chúng tôi đăng những tài liệu này lên chỉ cốt phụ vào vụ án Duy-Tân, và hơn nữa để giải rõ một điều trong ấy mà thôi.

Chúng tôi muốn giải rõ vì sao ông Thanh-Tĩnh lại nói bài thơ «Nocturne» nằm về

số trang 157 - 158 còn ông Trần-thanh-Mại lại nói ở số trang 41 - 42.

Thế ra nó chỉ thế này: Sổ tạp chí của ông Trần-thanh-Mại là sổ tạp chí Đô-thành Hiếu-cổ xuất bản đặc biệt (tirage à part) lấy tên là Huế đẹp (Hué pittoresque). Thành thử như lời Trần - quân đã nói thì hai đảng cùng... đúng mà chẳng ai lầm cả!

V

Đến đây chúng tôi tưởng đã dừng bút được. Nhưng chúng tôi vừa rồi lại có đọc trong báo MAI số 1 ra ngày 4 Septembre « Nhân bài thi tương-truyền của vua Duy-Tân, nhớ lại nhiều thi-văn mà người ta ăn cắp giùm Mạc-dĩnh-Chi và Nguyễn-thị-Điềm » và trong Phổ-Thông số 41 ra ngày 16 Septembre bài « Khiêm-tốn đến thế là cùng ». Trong hai bài đó, hai bạn đồng nghiệp rất yêu quý của chúng tôi đã làm giùm chúng tôi cái công việc truyền-bá sự khôi-phục chân lý mà một mình chúng tôi làm không nổi. Vậy hai bạn đồng nghiệp có thể tìm thấy những lời cảm tạ thành thực ở đây.

Tuy nhiên sau khi đọc những bài đó, chúng tôi cũng phải ngao ngán nhận rằng các bạn đã làm một việc mâu-thuẫn quá. Vì các bạn đồng-nghiep trong lúc sợ làm

quảng cáo cho Trần-Thanh-Mại và cho tờ báo của chúng tôi đã sa vào cái hố mà các bạn muốn cho thiên-hạ tránh.

Báo MAI chỉ nói sơ qua về vụ án Duy-Tân và tên thật của tác giả bài thi « Trên-Sông-Hương » chứ không hề đá động đến người tìm ra chân-lý và tờ báo đã « dung túng » chân lý ấy.

Báo Phổ-Thông, tử tế hơn, viết :

« Gần đây, nhân vì ngờ vực, rồi có người hiểu sự (sic) gởi thư cho ông chủ bút tờ Đô-thành Hiếu Cồ là ông Cadière hiện đang còn sống mà hỏi thì té ra cha sanh bài « Trên sông Hương » ấy là ông Henri Guibier. »

Thấy chưa ? Các bạn đồng-nghiep muốn cho người ta trả lại cho César cái gì của César nghĩa là cho tác giả nào cái danh dự mà đáng tác-giả ấy được hưởng vậy, nhưng vì chịu theo một tâm lý mà chúng tôi không muốn gọi là nhỏ nhen, các bạn đã làm trái lại.

Nói thế rồi, chúng tôi xin kết luận : Các bạn đã thiếu hẳn sự thật thà trong văn-chương (le manque de probité littéraire) cái điều-kiện cần nhất của một nhà văn.

NGUYỄN-THUẦN-HOÀ
(Saigon Tiểu-Thuyết)

TÂM SỰ TÔN-THỌ-TƯỜNG TRONG BÀI TÔN PHU NHÂN QUI THỰC (1)

AI cũng đều thuộc lòng bài thơ ấy, và cho nó là một trong những bài hay nhất của nền thi-ca cũ. Tác giả, Tôn-Thọ - Tường, nổi danh vì nó hơn vì các bài khác, hơn vì sự nghiệp làm quan của ông. Hầu hết các sách dạy quốc văn, phần nhiều các báo chí văn-học đều không bỏ sót nó và đều hết lời tán dương. Đến cả cái người thông - minh mẫn tiệp là ông Phan-Khôi mà cũng bị lôi kéo bởi nguồn

(1) Yên ngựa thanh gươm vẹn chữ lòng
Ngân thu rạng liết gái Giang-Đông
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc
Về Hán tran tria mảnh má hồng
Sen phấn thà cam giày gió bụi
Đá vàng chi để thẹn non sông
Ai về nhắn với Chu-công-Cần
Thà mất lòng anh được bụng chờ g.

cảm hứng chung, đến nỗi quên cả trí xét đoán nó đã phân-biệt ông với kẻ khác, cái trí suy-nghiệm nó làm ông thành ông Phan-Khôi, cũng như nó đã làm cụ Phan-Tây-Hồ thành cụ Phan-Tây-Hồ.

Trong quyển « Chương - Dân Thi - Thoại » ông Phan-Khôi cũng theo người ta mà phê-bình rằng bài thơ ấy có « ký thác », nghĩa là có bao hàm cái tâm sự riêng của tác-giả.

Ai cũng biết Tôn - thọ - Tường là người nho sĩ Nam-Kỳ, sinh vào khoảng đầu hậu diệp thế-kỷ thứ XIX, gặp lúc thời thế biến đổi, một phần tổ quốc mất quyền độc - lập phải lép mình dưới uy quản trị của người Pháp. Bọn văn-minh trong nước chỉ nhìn thấy sự đau lòng lúc ấy, nổi lên kháng cự rất hăng. Tôn thì quá khôn ngoan, biết rằng :

« Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc,
cho nên quyết tâm :

Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay. »

Ấy chính là lời Tôn nói đấy, ở trong tập mười bài liên-hoàn tự-thuật của ông. lấy tư-cách kẻ lớn, Tôn không phản động mà còn vác thân ra làm quan với chủ mới. Tôn lại vui lòng nhận lấy cái tiếng khi

quá đáng là « trâu ngựa ».

« Trâu ngựa dầu kêu chi cũng mặc,

« Thân còn chẳng kể, kể chi danh ».

Tôn đem thân ra làm quan với người chủ lạ, ấy là kể đến thân lắm đấy chứ, sao lại bảo rằng không ? Dù thế nào mặc lòng, xuyên qua các bài thơ tự-thuật kia của Tôn, ta vẫn thấy đượm một vẻ băn khoăn chính đáng như là sự thú tội của một lương tâm không yên, cùng là sự thanh-minh cho một cử chỉ đáng chỉ-trích, để mong cứu vãn lại một ít danh, trước con mắt người đương-thời và người hậu-thế.

Tuy là bảo rằng :

Thân còn chẳng kể, kể chi danh.

chớ như thế là đã kể đến danh nhiều lắm, vì nếu không kể chi thì hà tất phải làm thơ tỏ tâm sự, hà tất phải kể lẽ lời thôi. Chúng ta nên thấu cái điềm lương-tâm ấy của ông, mà tha-thứ cho ông, nếu ông quả thật là có tội.

Nay ta thử xét bài vịnh « Tôn-phu-nhân qui Thục » có ôm ấp mỗi ký-thác nào của tác-giả không. Và nhân-tiện thử phê - bình luôn nó, cả về ý lẫn thể, để xem nó có xứng với cái địa vị mà hiện giờ nó đang hưởng không ?

Ai cũng biết sự-tích ấy rồi. Tôn-phu-nhân là em gái Tôn-Quyền, chúa nước Đông-Ngô, đời Tam-Quốc. Quyền nghe theo mưu của quân-sư là Công Cần Chu-Du, làm bộ cầu thân với Lưu-Bị, chúa đất Tây-Thục, kêu Bị qua gả em gái cho, để dụ Bị vào một cuộc mai-phục mà giết đi. Bị qua Đông-Ngô nhưng đã có sẵn một phản kế của Khổng-Minh. Một ông câu hiếu-sự và hay trách, một bà mẹ chỉ biết trọng danh-dự trong lời nói, làm cho công-việc của Tôn-Quyền thất bại, đã mất em toi mà kẻ thù nghiêm nhiên được thêm người vợ đẹp. Tôn phu-nhân phải theo chồng, hành lý lên đường.

Yên ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng

Ngàn thu rạng tiết gái Giang Đông.

Giọng thơ trong hai câu đầu mới đưa ra là đã thấy xuất-sắc và tỏ rõ một tay thầy. Nó nhẹ nhàng, êm ái, như một đợt mây lượn trên một nền trời quang đãng xanh tươi, và vi vu phơn phớt như một cơn gió hiu hiu của một buổi chiều quạnh quẽ, không khỏi có vương đôi chút tơ buồn. Cho nên người đọc thơ không phải ngạc nhiên khi thấy người làm thơ hạ xuống câu thứ ba. Mạch thơ từ đầu đã chảy như một dòng dầu trên một gốc xuôi. Câu

trước đã sửa soạn cho tình cảm người đọc sẵn sàng để hứng đón câu tiếp theo.

Lìa Ngò *bị rịn* chòm mây bạc....

Không còn câu gì hay hơn để tỏ nỗi tâm sự của người con gái đi xa trên con đường về nhà chồng, mà nhớ đến nhà mình, nhớ đến cha mẹ mình. Hay quá là hai chữ « *bị rịn* ». Tôi nói đúng « quá » vì chính hai chữ rất đúng ấy, rất kêu gọi, rất linh-dộng ấy sẽ làm thương tổn cho câu sau nhiều, khi nó kéo theo nó hai chữ tai hại. « *trau tria* ».

Về *Hán* trau tria *mảnh má hồng*.

Nói đến trau tria một vật gì, tức là nói đến sự tô điểm trang-diêm vật ấy, đến sự cố ý làm cho đẹp mắt người mà mình đem trình vật ấy. Chữ trau tria phải bao hàm những ý nghĩa làm đóm, dĩ điểm, giả dối, mà ở trong trường-hợp hiện-tại, lại còn mang thêm một ý nghĩa tà-dâm nữa. Vì sao tôi lại không nói rõ ra, sự trau tria của Tôn-phu-nhân bắt người ta liên-tưởng, ngoài sự đánh phấn thoa son của nàng ra, đến cả sự tắm rửa, đến cả sự lau chùi và sự ướp thơm của mỗi bộ phận trong người nàng nữa ! Sự thật thì Tôn-phu-nhân ở vào tình cảnh nào ? Nàng đi lấy chồng chỉ vì tuân theo lời mẹ, chỉ vì giữ cho trọn lời hứa giới, trá của anh. Cắt thân ra đi ở chỗ

đất khách quê người, nàng chỉ làm theo mệnh lệnh của đạo cương thường. Nàng đã liều mình mà nhắm mắt đưa chân. Nàng chỉ « vẹn chữ tòng » đúng như lời tác giả đã nói. Thế thì nàng còn vui thích gì đâu mà bảo nàng « trau tria ». Sao tác-giả lại không đề chữ « thờ ơ » :

Lta Ngô bịn rịn chòm mây bạc,

Về Hán thờ ơ mảnh má hồng....

Phương chi, trong hai câu 5, 6 tác giả đã tả được rõ ràng sự miễn cưỡng của Tôn phu-Nhân, cái tình trạng « vạn bất đắc dĩ » gây nên bởi một lời hứa hẹn mà người quân-tử phải coi như là đá vàng, không thể phai lạt được.

Son phần thả cam dày gió bụi
chờ

Đá vàng chi đề then non sông...

Nay muốn cho toàn bài vẫn giữ được cái ý « cực chẳng đã » ấy, thì hai câu 3, 4, có thể đổi lại như thế này :

Trời Ngô luống gởi chòm mây bạc

Tay Hán đành trao mảnh má hồng.

.
Ai về nhẩn với Chu công Cần...

Cái người đã bày ra cơ mưu để cho nàng bây giờ phải chịu đựng một cuộc đi đầy oan ức nhường ấy, chính là Chu công Cần.

Nhấn nhủ với anh chàng ấy là phải lắm. Nhưng mà nhấn cái gì ?

Thà mất lòng anh được bụng chồng !

Thôi rồi ! tôi đến phải vút quán bút mất thôi !

Sao mà một người đã biết tự hy-sinh vì nghĩa vụ mà lại có thể dè-tiền đến thế ? Phải chi Tôn-phu-nhân kết duyên cùng Lưu-Huyền Đức đã lâu ngày, nhờ thời-gian, giữa hai người đã gây nên một mối tương thân tương ái khăng khít ràng buộc lấy nhau thì người ta mới có thể công-nhận sự muốn « được bụng chồng » của phu-nhân. Ở đây, Tôn-phu-nhân và Lưu-bị chưa từng quen biết nhau, nàng đối với Lưu hẳn chưa có một mảy may tình tứ nào thì làm sao có ý làm cho được bụng chồng mà đến nước phải mất lòng anh ? Không khéo người ta sẽ tưởng cái ý dâm dăng ở trên câu « trau tria » lại còn trở lui lại mất, và người ta sẽ cảm thấy ở cử-chỉ Tôn-phu-nhân một sự hoảng hốt nóng nảy muốn lấy chồng.

Vả chẳng, nếu chỉ phải nhấn một câu bĩ ối như thế, thì hà tất phải nhấn đến Chu-Công-Cần ? Khi mình đã khinh rẻ mình như thế, khi mình đã chỉ biết nghe theo những thúc dục của xác thịt quá tuổi như thế, thì cứ cúp tai nhắm mắt mà đi, chớ còn gây

sự với ai làm chi nữa, còn tuyên bố sự liễu lĩnh của mình lên làm chi nữa.

Phan-văn-Trị, một nhà nho sĩ đồng thời và cũng là bạn thân của Tôn-thọ-Tường có họa bài thơ « Tôn phu-nhân qui Thục. Đến hai câu sau Phan làm :

Anh hỡi Tôn-Quyền anh có biết ?

Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng ?

Câu kết này có ý nghĩa, hơn câu của Tôn, nhưng nó lại không ăn với câu luận.

Anh hỡi Tôn-Quyền anh có biết ?

Tôn quyền đã là chúa rồi thì còn thờ chúa nào nữa ? Và còn ngay với ai ? Nay ta đem câu kết của ông Trị, thay đổi chút ít để cho đúng điệu luật rồi thế vào câu kết quá tệ hại của ông Tôn :

Ai về nhẵn với Chu công Cần

Trai biết ngay vua, gái trọn chồng...

Thì nó sẽ hoàn toàn biết bao nhiêu, nó sẽ diễn tả được hết cái tâm sự của Tôn-phu-nhân, những nỗi khổ-tâm kiên nhẫn của nàng. Nó có nghĩa là :

« Hỡi Chu-công-Cần, vì ai mà sinh ra cơ sự thế này, để cho ta phải hy sinh hết cả hạnh phúc của đời ta ; hỡi Chu công Cần, người đã coi thân ta như một miếng mồi và đã vung về đến nỗi không câu được cá, mà phải để cho cá cướp mất mồi đi ! Người

là phận trai thờ chúa, người nghĩ ra mưu này kế nọ, là cốt để giúp chúa cho hết lòng ngay. Dầu sao người cũng đã làm hết bổn phận người. Cũng như ta ra đi bây giờ, là làm cho hết bổn phận của ta, cái bổn phận con gái trọn đạo với chồng. Vậy thời ta nhả với người hãy thấu hiểu cho ta nỗi ấy mà đừng trách ta, cũng như ta đã hiểu thấu và không trách người vậy : »

*Yên ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-Đông.
Trời Ngô luống gửi chòm mây bạc,
Tay Hàn đành trao mảnh má hồng.
Sơn phấn thà đem dày gió bụi,
Đá vàng chỉ để thẹn non sông.
Ai về nhắn với Chu-công-Cẩn :*

Trai biết ngay vua, gái trọn chồng :

Tâm sự Tôn-Phu nhân là thế, phải là thế. Còn tâm sự Tôn-thọ Tường là cái tâm sự của kẻ không cự lại người khách lạ đến xâm chiếm đất nước mình, mà còn hùa theo giúp họ. Bảo rằng đất Nam-kỳ chính vua Tự-Đức đã ký giấy nhường lại cho người Pháp rồi ư ? Nhưng há vì thế mà một nhà nho-sĩ được nói câu : « Thà mất lòng anh được bụng chồng » ? Có đâu Tôn lại càn dỡ đến thế ?

Ở Trường hợp này, chỉ có một cách xử

tri toàn vẹn. Cách ấy, một người đã làm, và làm ngay trước mặt Tôn nữa. Người ấy vì thế đã để lại cho toàn thể dân Việt-Nam cùng với một áng vinh-dự chung, một mối tự hào chính đáng : Phan-thanh-Giản.

Cho nên về những thơ ký thác của Tôn-thọ-Tường, bao giờ tôi cũng ưa bài « Từ Thứ » qui Tào » hơn.

*Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi ?
Muối xát lòng ai nấy mặn mòi.
Ở Hán hẳn nhiều rường cột cả,
Về Tào chi sá cỏ cây còi
Nhớ ơn từ mẫu khôn nâng chén,
Nặng nghĩa quân-vương khó gỡ roi
Chẳng dặng khôn Lưu đành dại Ngụy,
Thân này xin gởi ngoại vòng thôi !*

Những câu ấy có thể tiêu biểu một cách đứng-dẫn hơn cho mối tâm sự mặc dầu giả dối hay là chân thành của kẻ hàng thần. Nhưng đó lại là chuyện khác.

(1939)

ÔNG VÕ-LIÊM-SƠN VÀ LÝ THUYẾT BỘ XƯƠNG

TRONG một kỳ thi. Sơ - Học đầu đây người ta có ra cho thí-sinh một đầu đề bài luận như thế này: « Thử kể hai người anh thợ ơ nhất trong đời anh? Hãy nói tại làm sao ». Chín mươi chín phần trăm thí - sinh đều kể có cha và có thầy học. Mà ở thời nào cũng vậy, dù nhơn dù nhỏ, đã đi thi ai lại dại chi mà nói trái ngược với ý quan trường.

Cho nên các quan dù phải một phen chán như ăn cơm nếp nát, cũng phải lấy đồ tất cả. Những tư tưởng hợp với luân lý như vậy, ai còn nỡ đánh hỏng? Phương chi các quan trường, nếu không hẳn đã là cha hết thầy, cái chắc chắn là ai nấy đều đã làm thầy. Trong khi người ta đồng thanh nịnh mình một cách sốt sắng như vậy, cho dầu chính đáng hay không, lẽ cố nhiên là các ngài cũng lấy làm tự đắc mà trở nên

rộng rãi hiền lành.

Nhưng nếu tôi ở vào địa vị ấy, tôi lại không nghĩ thế, tôi có những lý-ưng vững vàng. Thầy, tôi chưa được làm. Nhưng cha, thì tôi đã là cha đối với con tôi, suy đi xét lại, tôi chưa thấy có lấy một tý ơn nào.

Sinh con ra, chỉ vì một sự ngẫu nhiên huyền bí của một đêm... tôi không nói là ái ân, mà chỉ là hòa thuận. Vợ chồng bây giờ lấy nhau là để mà rầy lộn nhau, để khỏi phải hòa-thuận. Nhưng gây sự với nhau mãi, cũng chán, phải nghỉ một lúc để sau cuộc xung đột mới được hăng hái hơn, dữ dội hơn. Thì chính nhờ có những phút đình chiến ấy mà đưa con ra đời. Mà ra đời được, đứa bé đã làm được một việc tài tình phi thường ! biết bao nhiêu người đã dùng hết cách để dừng cho nó ra. Mới bước đầu, nó đã phải tự dùng lấy cái tài riêng nó rồi, sau này nó làm gì được, cha mẹ đừng có kể là nhờ công ơn mình.

Nếu gặp phải ông cha u - mê dần dần, hoặc bệnh hoạn, ốm yếu, suốt đời con phải khờ dại, tật nguyền : trong cuộc vật lộn để dành sự sống chung nó đành chịu lấy phần thiệt thòi, thua sút, nếu không phải làm miếng mồi cho kẻ mạnh, đánh

thịt. Trong thế-giới, trừ ra một đôi trường hợp tối ư đặc biệt trong ấy cha sinh con ra là đặt lên ngai vàng thì không nói, còn sinh ra để suốt đời nó đẩy cày kéo xe, thì ai đã lỡ đại sinh con ra cũng nên lẳng lẳng mà nhớ lấy tội ác của mình, chớ đừng mong kẻ ơn với ai. Đời là khổ, gán đời cho ta là gán cái khổ cho ta. Linh hồn ta phiêu diêu giữa hư không, như con chim giữa trời đất bao la. Bắt nó nhốt vào lồng mỗi ngày cho một dùm gạo với một vỏ hến nước lã, họ không hiểu mỗi ích kỷ, mỗi thất đức của họ mà còn tưởng thế là ơn ! Thuyết luân hồi nhân quả của nhà Phật, thật vẫn có cứu những ông cha, cải cho các cụ được trắng án đối với con cái. Nhưng luôn thế, nó lại cắt hết cả những công ơn mà mấy cụ vẫn kể với con mình. Đã là nhân quả, thì nghiệp nào theo nghiệp ấy, không thể thay đổi, ai nấy đều đóng những vai thụ động, muốn không được mà không muốn cũng không được. Án của nghiệp trướng tuyên ra như thế nào, phải cúi đầu chịu theo như thế ấy.

Còn nói thầy. Đời xưa kia, mỗi học-sinh chỉ suốt đời thụ giáo với một vài ông, và chỉ học thuần những đạo lý lễ nghĩa. Nếu may gặp được một đấng siêu nhân

thượng trí, có thể trút cả tâm hồn cho môn đệ, có thể hóa chúng nó thành những bậc cao-sĩ như mình. Ngày nay các thầy chỉ phải dạy cho học trò xấp giấy bìa làm hình ba góc, bầy góc dán vào vở, hoặc dạy cho chúng biết rằng hột lúa bóc vỏ rồi gọi là hột gạo, với lại con chó có bốn chân, một đầu và một đuôi. Thầy thì mỗi năm đổi mỗi ông, cho đến lớp cao đẳng tiểu học, hoặc trung học thì mỗi giờ lại đổi một ông. Giảng bài xong, thầy cấp cấp thầy đi suốt năm có khi không gọi đến tên học trò, mà nếu có gọi, cũng chỉ gọi trông cái số hiệu ở sổ.

Như thế mà bảo học trò phải mang ơn thầy là mang ở những dịp nào ?

Tôi có biết một ông nhà thơ, nhân nói về tình mặn-nhạt ở đời đã cắt nghĩa hai tiếng ấy bằng hai câu thơ trào - phúng, thâm thúy và xác đáng lắm :

« *Lạt-lẽo thầy trò khi bãi học,*

« *Mặn-mà trai gái lúc chưa « chơi ».*

Nhưng mà tôi thấy các bạn đã muốn gắt tôi : « Thế thì anh chịu ơn ai nặng nhất, nói nghe » Tôi xin thưa rằng : « Hai người tôi mang ơn nặng nhất là... lại là cha tôi và thầy tôi ». Tôi không khôi-hài đâu. Tôi không muốn khôi-hài một chút

nào cả,

Tôi không dám nói tại sao đối với cha, tôi mang ơn nặng. Tôi tưởng làm như thế khi khiếm nhã. Cha mình, mình hăm mộ, kính phục trong lòng, không lẽ bắt người ta phải nghe những điều cố nhiên và vô-ích ấy. Chỉ một cái cho tôi biết rằng cha đối với con không có ơn chi, cha tôi đối với tôi đã có ơn rất nặng.

Nhưng đối với thầy thì sự ái-ngại của tôi, không còn có lý nữa. Và nếu tôi không thừa dịp này mà may mắn tỏ chút biết ơn thì sự nhớ ơn với quên ơn chẳng hóa ra như nhau mất.

Kể thầy học, thì từ khi đưa bàn tay ếch gạch những chữ nhất lên tờ giấy bản lông ba, tôi có không dưới nửa trăm ông. Nhưng người định quyết chí hướng tôi, người đã chỉ vạch con đường tôi phải đi theo, người đã đào tạo cái đời văn - tự của tôi, người ấy chỉ là một : ông Ngạc-am Võ-Liêm-Sơn. »

Tôi bản sinh ưa thi - ca và những việc hoang-đường mộng-mị. Ông đã bắt tôi đi vào lối thực tế. Tôi vốn ham chuộng những cảnh thiên-nhiên của vũ-trụ ; ông muốn cho tôi ham chuộng những lý do đã cấu tạo ra cảnh thiên - nhiên ấy. Tôi

vốn ưa tưởng rằng mọi việc ở đời đều là sự thật ; ông cho tôi hiểu tất cả những cái giả dối ở trong. Tôi chỉ một cái hình ; ông bắt tôi phải nói đó là cái bóng. Tôi ưa tin ; ông bắt tôi phải luận-lý. Cha tôi bảo : « May học theo các bậc thánh nhân hiền-triết ». Thầy tôi dạy : « Phải để cho óc tự do. Anh không theo một người nào hết ! » Cha tôi cho tôi một con tim để cảm động yêu thương. Thầy tôi cho tôi một khối óc để phê-bình xét đoán : người sau tiếp tục cái công-trình của kẻ trước.

Bây giờ nếu tôi bắt thành nhân cách, dở dờ ương ương, nửa khôn nửa dại, ấy là tại tôi u mê, cái đó không dám trách ai được.

Mà có lẽ vì cái dở dờ ương ương ấy mà nay tôi lại không đồng ý với thầy tôi. Hẳn ông buồn thấy học trò ông phản lại tư tưởng ông. Nhưng... « Anh không theo một người nào hết » thầy tôi đã bảo. Vả chẳng cũng có cái ông phải lấy làm bằng lòng, không hoàn toàn tiếc công dạy dỗ : là sự thành thực của tôi, sự thành thực mà theo lời ông, tôi bao giờ cũng thờ như một vị thần.

Năm 1925, ông Ngạc-Am Võ-Liêm-Sơn

viết xong quyền Cô-Lâu Mộng. Sách chưa in thì quyền Hải-Văn của ông bị cấm, kể đến ông bị bãi chức, rồi buộc vào vòng tù tội. Ra khỏi ngục thất, ông lại tự giam mình trong một ngục khác: Ông về ở ẩn nhà quê, không thêm chung đụng với xã-hội, không thêm đề ý đến một việc đời gì nữa.

Đúng mười năm sau, Cô Lâu Mộng ra đời. Trong khoảng mười năm, trào lưu tư tưởng Việt-Nam, cũng như hình thức văn-chương của ta đã thay đổi một cách mau chóng bất ngờ ; một khoảng mười năm tiến hóa bằng hai ba mươi năm ở các nước đã đi trước ta. Những nước hậu tiến thường thường được hưởng cái lợi rất to về thời-gian, nhờ cái là nước văn-minh đã phải khó khăn chậm chạp tự tìm đường cho họ, nhân thế mà vạch sẵn con đường ấy cho mình.

Ông Ngạc-Am, nằm trong tháp ngà của ông đã tự xây, thấy mà không hiểu vì sao quyền Cô-Lâu-Mộng bị thất bại ngay khi nó mới ra đời.

Dân Việt-Nam 1935, vui tính, yêu đời, muốn sống. Chuyện Ưng-Mộng là chuyện bi quan, ghét tọc, tránh người. Văn Việt-Nam năm 1935 đi về con đường thiết thực, tả

chân, xã-hội, khoa-học. Văn Cô-Lâu-Mộng thì biền ngẫu, du dương, trùu tượng, cổ điển.

Ngoài những nguyên-nhân vật chất đã kể trên, và đã gây nên cuộc thất bại của Cô-Lâu-Mộng, tôi tưởng còn trông thấy một nguyên-nhân tinh-thần nữa : sự đề-xương « lý-thuyết bộ xương » như nhan đề sách đã nêu ra.

Ứng-Mộng, một anh chàng khác tục, không chịu ở trong khuôn khổ chật hẹp bản thiủ của đời, quyết tìm một lý - tưởng cao-siêu hơn, nó sẽ là mục đích của đời chàng, cái cơ đề cho chàng sống. Tự mắc mưu cha, chàng rơi vào bẫy ái-tình, yêu cô Dương-hoa mà chàng cho là cái lý - tưởng chàng hoài bảo bấy lâu. Quanh quần mãi trong cái-mê hỗn-trộn mà chính Dương-hoa là viên tướng cầm quân, một hôm đau nặng, chàng nằm mê thấy người yêu lần lần hóa ra một bộ xương khô. Cũng như nhà hiền-triết Hy-Lạp trần-trồng trong nước nháy ra mà kêu : « Ta tìm thấy rồi ! Ta tìm thấy rồi » Ứng-mộng cũng vùng ngồi dậy, nói to « Ấy là chân-tướng mỹ-nhân. » Ấy là chân-tướng mỹ-nhân ». Cho rằng mình đã tìm ra được chân-lý, chàng khỏe mạnh lại như thường và từ đấy thấy tắt lửa lòng, tuyệt nhiên

không yêu ai nữa.

Tưởng hễ thấu được mọi sự giả dối ở đời, chàng muốn cứu đời mà chưa tìm ra phương tiện. Thành thử có chân lý cũng như không. Chàng còn phải đi tìm mãi. Sau một thời-kỳ gian nan rắc rối, đầy những chuyện kiếm-hiệp ly-kỳ, chàng phải trải qua, bực tức chàng lại cất bước ra đi, đi mãi, đi biệt tích, không biết về đâu.

Nhưng cái chốt, cái trụ của toàn chuyện như trên đã nói là cái lý thuyết mà tôi đã mạn phép gọi là lý thuyết bộ xương.

Đó là chỗ bất đồng ý của tôi.

Tôi tưởng rằng từ đời thượng cổ kia, từ con trẻ lên ba, ai cũng chán biết đời người cho đầy vinh nhục khác nhau, rồi cuộc lại chỉ là những nắm xương tàn chôn vùi dưới ba thước đất. Không phải là sau một thời kỳ tìm kiếm suy xét, lăm lặc, người ta mới thấu được cái lẽ hiển nhiên ấy, và coi nó như là một sự đại phát minh, đại sáng kiến, có thể xoay lộn cả vũ trụ, thay đổi cả cuộc đời. Không. Cái đêm Ưng-mộng nằm mê trên giường bệnh, thừa sống thiếu chết, tưởng tìm ra chân lý ấy, Ngạc Am tiên sinh không nên xem nó như là một đêm khác kia, trong một khu rừng Ấn-Độ, dưới bóng cây bồ đề, một ông hoàng tử tự giác

được mình và sắp đi giác thiên hạ.

Đời người, ai cũng như ai, rốt cuộc chỉ là bộ xương hết thấy. Tác giả Cô-Lâu-Mộng cho rằng sự biết ấy đã giết chết trong lòng Ứng-Mộng hết cả tình yêu. Đó là chỗ tôi không chia xẻ được. Tôi tưởng rằng chính vì sự biết ấy mà tình yêu của chúng ta càng thêm hăng hái, mặn nồng, bền chặt. Tôi lại cho rằng xưa nay ở trên thế gian, người ta yêu nhau chỉ vì có thể, và nếu không thể thì không có cuộc đời.

Tại sao cha mẹ mới sinh con ra lại yêu con ngay? Tại cha mẹ biết rằng ở nơi chúng nó, cái vỏ thịt đo đỏ mềm mềm, chỉ bọc lấy một bộ xương khô, mà nếu không khéo nuôi nấng, đùm bọc, thì vỏ thịt kia sẽ mất đi, chỉ chừa lại bộ xương khô ấy? Vợ chồng anh em, bè bạn, người đồng loại với nhau, sở dĩ thương yêu nhau, chỉ vì ai nấy đều biết rằng có một ngày, người thân mình sẽ hóa ra một bộ xương, mà ngày ấy không biết là mai, kia, hay ngay bây giờ.

Một cái thí dụ : hoa. Bởi vì tính chất của hoa là sớm nở, tối tàn, người ta mới yêu quý hoa, săn sóc, vun quén cho hoa. Nếu biết rằng trái trấm vạn năm, hoa vẫn còn hoa, thì không ai còn trồng hoa làm chi nữa.

Trong các giống hoa, có hoa quỳnh là kỳ kỳ hơn hết, hình thức chẳng ra hoa chút nào. Thế mà mỗi lần hoa quỳnh nở, người ta rủ nhau rầm rộ đi xem, như đi xem lợn đẻ ra voi. Chữ hoa được một phen hãnh diện với bà con, thói thì vốn vãi nói cười, giới thiệu cái vật mà ai nấy đều cho là kỳ quan của vũ trụ, một triệu chữ báo một sự may lớn cho nhà chủ. Tôi còn nhớ năm xưa, hai ba tờ tân văn trong Nam đăng chuyện hoa quỳnh nở lên báo, lại chụp ảnh, in cả hình hoa, như muốn đời đời lưu lại một dấu tích đã đi qua trong chớp mắt. Thì ra giống hoa quỳnh chỉ nở được có vài giờ là đã tàn, đã héo !

Nay nói riêng về ái tình giữa hai trai gái. Ta yêu một người đàn bà đẹp, vì ta biết cái đẹp ấy không phải vĩnh viễn, trường cửu, mà trái lại, một mai một chiều ta có thể mất như không. Ta có thể biết rằng khuôn mặt tròn trĩnh kia, có một ngày sẽ méo mó đi ; nước da mơn mớn kia sẽ răn reo xanh xám đi ; mái tóc mây tha thướt kia sẽ bạc và rụng dần đi, cái thân hình đầy đặn dịu dàng kia sẽ gầy mòn đi, hóa ra cứng cáp như một bộ xương, đề một hôm hóa thành một bộ xương hằn.

Vì thế mà trong khi khuôn mặt của mỹ-

nhân còn là khuôn mặt trái xoan, nước da còn là nước da lòng trứng, mái tóc, mái tóc mây đen lóng, ta phải yêu mau, yêu gấp, yêu bằng tất cả tâm hồn trắng kiện của ta, yêu bằng một sức hoảng hốt lo sợ, yêu như khi một trong hai tình nhân bị kết án tử hình, hai thanh niên nam nữ vừa yêu nhau vừa trông người ta sửa soạn máy chém.

Đề tôi kể độc giả nghe một câu chuyện này, gọi là chuyện chó chết đi, vì chính thật là một chuyện chó chết :

« ... Bên vỉa hè, một buổi sớm mai mùa hạ, người ta thấy một con vật chết nằm co bốn cẳng lên trời, như một con mẹ đại thất tình phơi cả cái bụng hơi hám, ghê tởm. Ánh nắng mặt trời chiếu xuống, như muốn nung đốt cho thật chín cái cục thối tha kia. Ruồi nhặng kêu nhao nhao xung quanh con vật. Những đàn dòi đen thui, béo phệ, từng bè, từng lũ, nhô nhúc bò dọc, theo những thớ thịt nát bét, như một thứ nước gì đắng-dặc chảy êm

« Sau những đồng đá, một con chó đứng rình, lo lắng, lườm khách qua đường bằng một con mắt tức giận, chỉ chờ dịp vồ ra lấy lại miếng thịt còn sót nơi bộ xương khô...»

Đại đề chuyện chỉ có thế. Không phải tôi đặt ra nó được đâu, Nguyên văn là một

bài thơ kiệt tác của nhà thi sĩ Charles Baudelaire, mà tôi lược dịch ra như vậy đó. Tôi cốt muốn nhắc đến cảm tưởng của nhà thi - sĩ khi thấy xác con vật chết ở bên vệ đường, thì nhân khi ấy nghĩ cái gì ? Ông ta gọi tình nhân mà bảo :

— « Em ơi, Tiên nga của ta ! Ái tình của ta ! em rồi ra cũng giống như đồng nhơ đồng thối ấy. Một ngày kia, dưới những lớp cỏ xanh, hoa thắm, thân thể em sẽ mục nát theo những đồng xương khô khác mà thôi ! Lúc bấy giờ, hỡi người Đẹp của ta ơi, em hãy nhả bảo với con bọ nó ăn em rằng dầu thế nào, ở trên này ta vẫn giữ mãi cái hình thức xinh xắn của em, cái tinh thần thiêng liêng của em vậy ! » —
(Charles Baudelaire — Les fleurs du mal—)

Ta xem một thi-sĩ nhiều trí tưởng tượng như Baudelaire, tự hình dung cái cảnh tượng ghê gớm một ngày kia của mỹ nhân, chỉ cầu giữ mãi hoài trong tâm hồn cái hình ảnh của tuổi xuân đẹp đẽ, để hoài mãi yêu thương.

Cũng như dân La-mã đời xưa. Dân La-mã đời xưa là một dân tộc mà trong đời chỉ làm có ba chuyện : đánh giặc, yến ầu, và dâm dục.

Họ có một cái tục rất ngộ. Trong những

cuộc đại yến mà không bao giờ họ không cho cùng dự những đàn bà lão lão, cũng không bao giờ họ quên đề ngay giữa căn phòng trên một chiếc bàn cao, một bộ Xương khô, chủ ý là đề nhắc họ nhớ cái kết quả sau cùng của mỗi đời người, và thúc giục họ phải chơi ngay, chơi gấp, chơi « thả cửa ».

Chơi cho liễu chán hoa chê,

Cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời...

Dân La-mã hồi ấy là một dân tộc giản dị, thô lỗ, Làm như thế, chẳng qua là họ nêu bày ra thật rõ rệt một lẽ tâm-lý kín đáo ẩn nấp trong lòng mọi người đó thôi.

Ông Ngạc - Am đề xướng lý thuyết bộ xương « đã rửa » vào luật tâm lý. Tôi không biết ông dùng những chất gì mà tạo ra Ưng-Mộng. Chớ cái tôi biết chắc là ông không theo cách của Hóa công đã dùng để tạo ra Người. Quá tự do không thêm theo ai, lắm khi cũng có hại.

Người ta sở dĩ hoan - nghênh một cuốn tiểu thuyết, một quyền thi ca, văn văn... là nhờ nhân vật ở trong, hoặc nhân, hoặc vật, cho dầu có những thủ đoạn phi thường, có những tính cách kỳ dị đến đâu, thế nào cũng có một chỗ giống giống ta, hay ít ra cũng gần gần ta. Loài người là một giống

thờ lòng tự ái đến cực điểm. Nếu ta thấy một nhân vật nào mà không có một tý gì như ta, không có một mối gì liên lạc với ta, thì ta coi nó như khác nòi giống mà không thêm đề ý đến bao giờ.

Những tác phẩm nghệ thuật, mà nhân vật khác hẳn ta về tính cách, về tình cảm về hành vi, ta chỉ xem nó như là những tác phẩm giáo khoa, những sách đại-số-học, vật-lý-học, những sách nói về phép nuôi gà hay khảo cứu các thứ gỗ trên thế giới mà thôi.

Anh chàng Ưng-Mộng, vai chủ động của Cô-Lâu-Mộng, chẳng có lấy một tý gì của ta cả, chẳng có lấy một tí gì của loài người cả. Bảo người đọc chuyện ham mê thế nào được chuyện?

Ông Ngạc - Am bắt Ưng - Mộng suốt đời lang thang đi tìm chân lý một cách si mê tuyệt vọng như con ma cụt đi tìm đầu mình, ông đa sự thế thôi, chớ phải đi đâu xa? Chân lý ở chung quanh ta, ở trong ta. Những cái giả dối, những cái lầm lạc của ta gồm lại thành ra chân lý. Mới sinh ra, mỗi chúng ta đã nắm chắc lấy nó cho đến hồi xuống lỗ mới buông ra, chúng ta còn phải tìm tòi đâu nữa?

Một loạt sách dành riêng cho các nhà thức giả

SẮP CÓ BÁN

TRIẾT HỌC BERGSON

Quyển đầu tiên trong « Tủ sách khảo cứu » của
nhà xuất bản TÂN-VIỆT

*Lần thứ nhất một triết học Tây phương diễn ra
quốc văn do một nhà học giả có đủ tư cách.*

GIÁO SƯ LÊ-CHÍ-THIỆP

Có in riêng làm 10 bản trên giấy lụa đỏ (tuyệt
đẹp) giá 7p00 mỗi bản. Các bạn chơi sách đẹp xin
gửi tiền về đặt trước kẻo để hết mua không được
như quyển ĐỜI VĂN quyển I

Mandat nhớ đề LÊ-VĂN-VĂNG cho tiện việc
nhận lãnh.

DỞ CHỒNG BÁO CŨ 1941 - 42

Gồm có những cuộc tranh luận về triết học, về xã
hội học, về văn-chương về thơ, nhiều chuyện ngắn
đặc sắc, như bài nghiên cứu thật có giá trị do các
nhà học giả và các nhà văn có tiếng khắp ba kỳ.

« Dở chồng báo cũ 1941-42 » từ nội dung đến
hình thức đều thập phần hoàn hảo-hơn hẳn « Dở
chồng báo cũ 1940 » (đã hết)

IN GẦN XONG

PHÊ BÌNH VĂN HỌC của Kiền thanh Quế
ĐỜI VĂN quyển II của Trần Thanh Mai

VÀ ĐÃ KHỞI CÔNG IN

LUẬN TÙNG trong « Tủ sách Tân Việt »

TRONG 99 CHÓP NÚI (Đỉnh nhật Thận với Thu
dạ Lữ hoài ngâm) của Đậu Tiệp

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

40 — Rue du Takou — Hanoi

Ơ này khách thơ !

« Khách đã nghe nhiều
thơ tình tứ và lãng mạn ;

Khách đã nghe lòng nhiều
bận lung linh say vì các
điệu nhạc mềm ;

Đến đây, tôi xin mời
khách quá bộ bước sang
thuyền khác.

Trên con thuyền này,
tôi muốn chở khách tới
những bến mới, có máu
anh hùng, có vai tráng sĩ,
có một chút gì mãnh liệt
mà tôi tưởng khách ít lần
trông thấy... »

Trích một đoạn trong bài tựa của tập

MÃNH LIỆT **THƠ CỦA TÂN HAI**

*Muốn có tập thơ ấy — tập « thơ mới » lấy
nghĩa trọn vẹn mạnh mẽ của tiếng « mới »
mà nói — tập thơ tiền phong, tiền phong
về cả nghệ thuật, về cả tư-tưởng — các bạn
hãy đến trước nơi các hiệu sách quen
ngay từ bây giờ — chỉ in có 700 quyển.*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

49 — Rue Takou — Hanoi

Sách báo bán nhiều nhất tại tỉnh Mytho
cũ có hiệu « NAM CƯỜNG » N° 61 — Desvaux

SÁCH NÀY IN TẠI NHÀ IN THỤY-
KÝ 98 PHỐ HÀNG GAI HANOI
XONG NGÀY 10 MARS 1942.

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

49, Rue de Takou — Hanoi

Đã xuất bản

Phù dung và nhan sắc của Lãng-Tử	giá 0\$75 hết
Nợ văn của Lãng-Tử	0.45
Nhất Định của Nguyễn-khắc-Mẫn	0.55 hết
Trên đôi xim của Nguyễn-khắc Mẫn	0.50
Mùa gặt mới số 1	0.75
Mùa gặt mới số 2	1.00
Dỡ chồng báo cũ 1940	1.95 hết
Thằng Tuất của Trần-mai-Ninh	0.45
Cát bụi của Thiết-Can	0.35 hết
Đám ma tôi của Hoài-Điệp	0.40
Một cổ đôi ba tròng của Trương-Tửu	0.48 hết
Chết tùy bút của Khôi	0.40
Tôi làm xiếc giải thưởng viết báo 1940	0.38
Một giấc mơ ghê gớm của Trọng-Miên	0.35 hết
Gió đưa của Vị Hồ	0.45
Những đêm sầu của linh hồn của P.Linh	0.35 hết
Tiếng còi nhà máy của Kim-Hà	0.55
Tang Tóc của Vũ-trọng-Can	0.60
Thanh niên trước thế giới mới	
Phùng Nguyên dịch	0.45
Đời văn của Trần thanh Mại	0.85

Sắp có bán :

Bổ bằng tiểu thuyết của Thế Hùng

Triết-học Bergson của giáo sư Lê-chí-Thiếp.